

PHỤ LỤC I. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026 TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên xã, phường	Số dự án phải thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)					Phụ lục chi tiết
				LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng	919	3.208,39	1.386,27	11,51	68,10	301,24	1.441,27	
1	Phường Thành Sen	11	14,44	13,00				1,44	Phụ lục 1
2	Phường Trần Phú	18	31,15	25,05				6,10	Phụ lục 2
3	Phường Hà Huy Tập	8	6,02	5,82				0,20	Phụ lục 3
4	Xã Cẩm Bình	20	45,39	43,84				1,55	Phụ lục 4
5	Xã Thạch Lạc	5	4,43	3,65				0,78	Phụ lục 5
6	Xã Đồng Tiến	4	1,55	1,50				0,05	Phụ lục 6
7	Xã Thạch Khê	2	5,40	4,50			0,90		Phụ lục 7
8	Phường Bắc Hồng Lĩnh	33	325,95	275,11				50,84	Phụ lục 8
9	Phường Nam Hồng Lĩnh	20	51,94	44,31				7,63	Phụ lục 9
10	Phường Hoành Sơn	11	143,80	0,02		6,80	18,31	118,67	Phụ lục 10
11	Phường Hải Ninh	2	7,79			2,80	1,00	3,99	Phụ lục 11
12	Phường Sông Trí	5	63,47	2,50			58,02	2,95	Phụ lục 12
13	Phường Vũng Áng	6	346,08	40,53		15,69	1,15	288,71	Phụ lục 13
14	Xã Vũ Quang	4	9,05	0,01			8,31	0,73	Phụ lục 14
15	Xã Thượng Đức	8	8,20	1,66			0,91	5,63	Phụ lục 15
16	Xã Mai Hoa	7	6,30	3,15				3,15	Phụ lục 16
17	Xã Đức Thọ	57	140,94	60,59			10,83	69,52	Phụ lục 17
18	Xã Đức Thịnh	37	137,21	127,58				9,63	Phụ lục 18
19	Xã Đức Minh	15	15,56	14,16				1,40	Phụ lục 19
20	Xã Đức Quang	26	18,06	8,58				9,48	Phụ lục 20

STT	Tên xã, phường	Số dự án phải thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)					Phụ lục chi tiết
				LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21	Xã Đức Đồng	8	26,57	1,98			1,50	23,09	Phụ lục 21
22	Xã Can Lộc	23	87,42	77,35				10,07	Phụ lục 22
23	Xã Trường Lưu	17	17,33	17,19				0,14	Phụ lục 23
24	Xã Xuân Lộc	15	13,01	10,17			2,29	0,55	Phụ lục 24
25	Xã Tùng Lộc	7	10,29	7,29				3,00	Phụ lục 25
26	Xã Đồng Lộc	6	4,84	1,00			0,90	2,94	Phụ lục 26
27	Xã Gia Hanh	12	23,37	19,36				4,01	Phụ lục 27
28	Xã Hương Sơn	16	27,81	5,35				22,46	Phụ lục 28
29	Xã Sơn Kim 1	3	6,84	1,84				5,00	Phụ lục 29
30	Xã Sơn Kim 2	4	8,65					8,65	Phụ lục 30
31	Xã Sơn Tây	13	25,20	6,05	0,09		1,21	17,85	Phụ lục 31
32	Xã Sơn Hồng	5	0,83	0,38				0,45	Phụ lục 32
33	Xã Sơn Giang	12	65,60	25,41			0,80	39,39	Phụ lục 33
34	Xã Sơn Tiến	24	53,55	20,08			2,00	31,47	Phụ lục 34
35	Xã Kim Hoa	21	22,15	10,52		0,09	1,94	9,60	Phụ lục 35
36	Xã Tứ Mỹ	37	52,45	20,34			6,27	25,84	Phụ lục 36
37	Xã Nghi Xuân	10	59,56	11,52		5,00		43,04	Phụ lục 37
38	Xã Đan Hải	13	70,36	2,58				67,78	Phụ lục 38
39	Xã Tiên Điền	6	32,20	15,00				17,20	Phụ lục 39
40	Xã Cổ Đạm	12	81,72	4,60				77,12	Phụ lục 40
41	Xã Hương Khê	5	10,86	4,80			0,89	5,17	Phụ lục 41
42	Xã Hương Xuân	4	7,15	0,11		3,84	3,15	0,05	Phụ lục 42
43	Xã Hương Bình	5	12,10	1,02				11,08	Phụ lục 43
44	Xã Hương Phố	25	74,07	3,70			9,86	60,51	Phụ lục 44
45	Xã Phúc Trạch	2	2,96				2,65	0,31	Phụ lục 45
46	Xã Hương Đô	18	46,78	3,54	3,99	6,10		33,15	Phụ lục 46
47	Xã Hà Linh	22	49,89	5,50			21,40	22,99	Phụ lục 47

STT	Tên xã, phường	Số dự án phải thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)					Phụ lục chi tiết
				LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+....+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
48	Xã Kỳ Anh	9	49,34	22,51			15,32	11,51	Phụ lục 48
49	Xã Kỳ Văn	5	25,79	2,30		1,03	2,16	20,30	Phụ lục 49
50	Xã Kỳ Lạc	4	32,15	0,70			13,44	18,01	Phụ lục 50
51	Xã Kỳ Khang	10	20,29	7,95		0,05		12,29	Phụ lục 51
52	Xã Kỳ Xuân	16	18,06	12,88			1,24	3,94	Phụ lục 52
53	Xã Kỳ Thượng	4	33,70	0,03	0,43	0,24	33,00		Phụ lục 53
54	Xã Kỳ Hoa	17	62,23	4,10			17,82	40,31	Phụ lục 54
55	Xã Thạch Hà	5	4,69	3,45				1,24	Phụ lục 55
56	Xã Toàn Lưu	7	213,52	162,68			5,05	45,79	Phụ lục 56
57	Xã Việt Xuyên	4	5,80	5,10			0,10	0,60	Phụ lục 57
58	Xã Đông Kinh	9	57,76	21,36				36,40	Phụ lục 58
59	Xã Thạch Xuân	11	52,82	16,73		16,15	13,51	6,43	Phụ lục 59
60	Xã Cẩm Xuyên	9	31,53	25,78		2,02		3,73	Phụ lục 60
61	Xã Cẩm Lạc	24	31,02	15,93		0,22	8,66	6,21	Phụ lục 61
62	Xã Cẩm Duệ	6	15,66	1,68		3,43	2,69	7,86	Phụ lục 62
63	Xã Cẩm Hưng	18	12,48	8,29		1,24	1,15	1,80	Phụ lục 63
64	Xã Yên Hòa	10	64,46	29,97			13,80	20,69	Phụ lục 64
65	Xã Thiên Cẩm	14	10,79	6,44				4,35	Phụ lục 65
66	Xã Cẩm Trung	39	69,99	29,22	7,00		19,01	14,76	Phụ lục 66
67	Xã Lộc Hà	19	73,08	23,12		3,10		46,86	Phụ lục 67
68	Xã Mai Phụ	21	32,37	21,12		0,30		10,95	Phụ lục 68
69	Xã Hồng Lộc	14	14,59	12,69				1,90	Phụ lục 69

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG THÀNH SEN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	0,01					0,01		
1	Chỉnh trang vỉa hè đường Lê Duẩn và khu vực vincom	0,01					0,01	Tổ dân phố 8	
II	Đất ở đô thị	12,79	11,50				1,29		
1	Dự án Hạ tầng khu dân cư tổ dân phố Nam Tiến, phường Thạch Linh	3,41	2,65				0,76	Tổ dân phố Nam Tiến, phường Thành Sen	
2	Dự án Hạ tầng khu dân cư Đồng Kênh Đồng Cửa Miếu (giai đoạn 3)	1,24	1,01				0,23	Tổ dân phố Trung Hưng	
3	Dự án tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài về phía Tây	1,50	1,20				0,30	Tổ dân phố Tân Quý	
4	Xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Thành Sen (Quân đội)	6,64	6,64					Tổ dân phố Vĩnh Hòa	
III	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,06					0,06		
1	Tiểu công viên tại Tổ dân phố 3, phường Tân Giang	0,06					0,06	Tổ dân phố 3, phường Tân Giang cũ	
IV	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,50	0,50						
1	Đầu tư nâng cấp quần thể Đài tưởng niệm liệt sĩ và Giếng chùa (phường Thạch Hưng cũ)	0,50	0,50					Thôn Trung Hưng, phường Thạch Hưng cũ	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,73	0,73						
1	Dự án xây dựng trường Mầm non tư thục tại Tổ dân phố 2, Nguyễn Du, phường Thành Sen	0,73	0,73					Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Du cũ	Phù hợp Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh
VI	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,35	0,27				0,08		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng các phường Bắc Hà, Tân Giang, Thạch Linh, Thạch Môn, Thạch Tân, Đại Nài thuộc TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,02					Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Thành Sen	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,08	0,08					Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Thành Sen	
3	Cải tạo và nâng cấp đường dây 475E18.1 để cấp điện cho tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Tĩnh và chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các ĐZ 472, 479 E18.1	0,25	0,17				0,08	Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Thành Sen	
11	Tổng: 11 danh mục	14,44	13,00				1,44		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026

PHƯỜNG TRẦN PHÚ

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	4,69	3,96				0,73		
1	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Hộ Độ vào Tổ dân phố Nam Hà	0,17					0,17	Tổ dân phố Hạ Hoàng, Nam Hà	
2	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hóa Tổ dân phố Nam Hà đến nhà anh Hanh	0,12					0,12	Tổ dân phố Nam Hà	
3	Đường giao thông từ đường Mai Lão Bạng đi thôn Trung, Thôn Thượng xã Thạch Hạ	1,20	1,20					Tổ dân phố Trung Đình, Tổ dân phố Thượng Đình	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nâng cấp đường giao thông kết hợp mương nội đồng Tổ dân phố Tiên Tiến	0,50	0,50					Tổ dân phố Tiên Tiến	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đường giao thông trục từ đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trường Tộ (kê trụ sở Công an tỉnh)	1,10	1,10					Tổ dân phố Đông Tiến	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đường giao thông trục từ đường Mai Lão Bạng đến đê Đồng Môn (trước giáo phận Hà Tĩnh)	0,80	0,50				0,30	Tổ dân phố Đức Phú	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
7	Đường giao thông từ đường Xuân Diệu đến đường Lê Thiệu Huy (bên cạnh dự án nhà ở xã hội Thạch Trung)	0,70	0,56					Tổ dân phố Đoài Thịnh, Tổ dân phố2, Nguyễn Du	Phù hợp Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Nâng cấp tuyến đường từ đường Lê Thiệu Huy đến Tổ dân phố Đoài Thịnh	0,10	0,10					Tổ dân phố Đoàn Thịnh	Phù hợp Quy hoạch phân khu xây dựng xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất thủy lợi	0,60	0,10				0,50		
1	Hệ thống mương thoát nước bảm đường ngô quyền	0,10	0,10					Tổ dân phố Thắng Lợi	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Mương thoát lũ từ cống anh Bình đến Tổ dân phố Liên Xuân	0,50					0,50	Tổ dân phố Liên Xuân	
III	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,30					1,30		
1	Trường Mầm Non Hộ Độ (xây địa điểm mới)	1,00					1,00	Tổ dân phố Vĩnh Phong	
2	Xây dựng nhà đa chức năng và mở rộng khuôn viên trường THCS Tân Vịnh	0,30					0,30	Tổ dân phố Xuân Tây	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	6,30	4,79				1,51		
1	Khu công viên cây xanh mặt nước tại cầu Đập xã	6,30	4,79				1,51	Tổ dân phố Liên Thanh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất tôn giáo	2,20	1,60				0,60		
1	Mở rộng trung tâm mục vụ Tòa giáo mục giáo phận Hà Tĩnh	2,20	1,60				0,60	Tổ dân phố Bắc Phú, Đức Phú	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
VI	Đất ở đô thị	16,06	14,60				1,46		
1	Nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ lực lượng công an	4,00	3,50				0,50	Tổ dân phố Nam Phú	
2	Nhà ở xã hội Tổ dân phố Tân Học, điểm đối trường Mầm Non	4,00	4,00					Tổ dân phố Tân Học	
3	Nhà ở xã hội Tổ dân phố Tân Học, điểm Giao đường Quang Trung với ngõ 514 Quang Trung, Tổ dân phố Tân Học	4,85	4,00				0,85	Tổ dân phố Tân Học	
4	Hạ tầng Liên Nhật giai đoạn 3	3,21	3,10				0,11	Tổ dân phố Liên Nhật	
18	Tổng: 18 danh mục	31,15	25,05				6,10		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG HÀ HUY TẬP

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở đô thị	5,54	5,54						
1	Khu tái định cư phục vụ dự án đường sắt cao tốc tại Tổ dân phố Đông Tân	4,47	4,47					Tổ dân phố Đông Tân	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Khu tái định cư phục vụ dự án đường sắt cao tốc tại Tổ dân phố Kỷ Các	1,07	1,07					Tổ dân phố Kỷ Các	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,43	0,28				0,15		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,05	0,03				0,02	Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Hà Huy Tập	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Hà Tĩnh - TBA 110kV Thạch Linh - Hồng Lĩnh	0,30	0,20				0,10	Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Hà Huy Tập	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,01					Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Hà Huy Tập	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
4	Xây dựng mạch vòng nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp trên địa bàn Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,01				0,01	Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Hà Huy Tập	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,05	0,03				0,02	Dạng tuyến tại các Tổ dân phố, phường Hà Huy Tập	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	0,05					0,05		
1	Mở rộng trường mầm non Đại Nài	0,05					0,05	Tổ dân phố 3	
8	Tổng: 08 danh mục	6,02	5,82				0,20		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 4. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở	36,21	34,66				1,55		
1	Đất ở trước nhà ông Trần Văn Tý, gần chợ Cẩm Thành	0,10	0,10					Thôn Hưng Mỹ	
2	Đất ở tại Đồng Cửa Bà	2,00	2,00					Thôn Đông Hạ	
3	Đất ở tại thôn Đông Hạ (Nhà Anh Hiếu đến ông Nuôi)	1,50	1,50					Thôn Đông Hạ	
4	Đất ở thôn Đông Hạ (Phía Tây Nam ĐH)	1,50	1,50					Thôn Đông Hạ	
5	Đất ở tại thôn Ngụ Quế	0,78	0,78					Thôn Ngụ Quế	
6	Đất ở Con Hoè mở rộng	1,00	1,00					Thôn Tam Trung	
7	Khu dân cư Đồng Chà Moi	20,40	20,40					Thôn Đông Vịnh	
8	Đất ở tại thôn Hưng Mỹ	0,73	0,73					Thôn Hưng Mỹ	
9	Đất ở thôn Nam Bắc Thành	0,70	0,70					Thôn Nam Bắc Thành	
10	Đất ở thôn Đông Nam Lộ	1,80	1,80					Thôn Đông Nam Lộ	
11	Đất ở tại thôn Đông Trung	0,36	0,36					Thôn Đông Trung	
12	Hạ tầng khu dân cư thôn Bình Minh, xã Thạch Bình	1,55					1,55	Tổ dân phố Bình Minh	
13	Hạ tầng dân cư Bến Hói, xã Thạch Bình	3,79	3,79					Tổ dân phố Bình Yên	
II	Đất giao thông	8,13	8,13						
1	Đường giao thông phía sau 55 lô đất ở trường đại học Hà Tĩnh	0,33	0,33					Thôn Đông Hạ	
2	Đường giao thông các thôn Đông Hạ, Bình Minh	3,00	3,00					Thôn Đông Hạ, Bình Minh	
3	Đường giao thông các thôn Bình Lý, Bình Yên, Đông Nam	4,80	4,80					Thôn Bình Lý, Bình Yên, Đông Nam	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
III	Đất thủy lợi	1,00	1,00						
1	Tuyến kênh tiêu thoát thôn Bình Vinh, Bình Minh, Bình Quang, Đông Nam Lý	1,00	1,00					Thôn: Bình Vinh, Bình Minh, Bình Quang, Đông Nam Lý	
IV	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,05	0,05						
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,01					Dạng tuyến tại các thôn, xã Cẩm Bình	
2	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã, phường phía Nam tỉnh Hà Tĩnh bổ sung năm 2025	0,03	0,03					Dạng tuyến tại các thôn, xã Cẩm Bình	
3	Nâng cao chất lượng tín hiệu Scada cho các mạch vòng chạy ứng dụng tự động hóa DAS/DMS tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,01	0,01					Dạng tuyến tại các thôn, xã Cẩm Bình	
20	Tổng: 20 danh mục	45,39	43,84				1,55		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 5. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THẠCH LẠC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	3,17	2,71				0,46		
1	Đất ở tại nông thôn	0,19					0,19	Thôn Bắc Lạc	
2	Đất ở tại nông thôn	2,01	2,01					Thôn Hòa Lạc	
3	Đất ở tại nông thôn	0,70	0,70					Vùng Giếng Lạng, Thôn Quyết Tiến	
4	Đất ở tại nông thôn	0,27					0,27	Thôn Trung Lạc	
II	Đất giao thông	1,26	0,94				0,32		
1	Đường từ Đền Hoà Thắng đi thôn Quyết Tiến	1,26	0,94				0,32	Thôn Quyết Tiến, Thôn Hòa Thắng	
5	Tổng: 05 danh mục	4,43	3,65				0,78		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 6. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỒNG TIẾN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	0,87	0,87						
1	Đường giao thông trục ngang biển Văn Trại đến thôn Đông Văn, xã Đồng Tiến	0,60	0,6					Thôn Đông Văn	
2	Cầu Ba Cột, thôn Liên Mỹ, xã Đồng Tiến.	0,27	0,27					Thôn Liên Mỹ	
II	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,40	0,40						
1	Mở rộng khuôn viên trường mầm non Thạch Hội	0,40	0,40					Thôn Liên Mỹ	
III	Đất ở nông thôn	0,28	0,23				0,05		
1	Đất ở phía Đông đường 19/5 thôn Đông Văn, xã Đồng Tiến	0,28	0,23				0,05	Thôn Đông Văn	
4	Tổng: 04 danh mục	1,55	1,50				0,05		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 7. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THẠCH KHÊ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	4,50	4,50						
1	Khu dân cư thôn Tây Sơn, xã Thạch Khê	4,50	4,50					Thôn Tây Sơn	
II	Đất giao thông	0,90				0,90			
1	Xây dựng tuyến đường ven biển từ thôn Đại Hải đi xã Thạch Lạc (Âu thuyền)	0,90				0,90		Dạng tuyến tại các thôn, xã Thạch Khê	
2	Tổng: 02 danh mục	5,40	4,50			0,90			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 8. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất khu công nghiệp	268,88	228,80				40,08		
1	Khu công nghiệp Bắc Hồng Lĩnh	268,88	228,80				40,08	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
II	Đất cụm công nghiệp	3,72	3,72						
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Trung Lương	3,72	3,72					Tổ dân phố Tiên Sơn	
III	Đất giao thông	39,85	31,21				8,64		
1	Cầu Bãi Thèn	0,03					0,03	Tổ dân phố Thuận Tiến	
2	Đường giao thông Bình Hồ, tổ dân phố Thuận Tiến giai đoạn 1.	4,00	4,00					Tổ dân phố Thuận Tiến	
3	Đường giao thông Đò Trai, tổ dân phố Thuận Tiến	1,20	1,20					Tổ dân phố Thuận Tiến	
4	Đường giao thông và mương thoát nước Đồng Vòng, tổ dân phố 7	1,90	1,90					Tổ dân phố 7	
5	Đường giao thông phía Tây đường 70m, tổ dân phố Ngọc Sơn	2,40	2,40					Tổ dân phố Ngọc Sơn	
6	Đường giao thông và mương thoát nước Dăm Quan, tổ dân phố Tiên Sơn	1,40	1,40					Tổ dân phố Tiên Sơn	
7	Đường giao thông và mương thoát nước Đập Đá, tổ dân phố Trung Lý giai đoạn 1.	3,30	3,30					Tổ dân phố Trung Lý	
8	Đường giao thông phía Tây khu công nghiệp Bắc Hồng Lĩnh	4,30	3,00				1,30	Phường Bắc Hồng Lĩnh	
9	Đường giao thông vào cụm công nghiệp Trung Lương (từ đường Tiên Sơn đến đê La Giang)	4,40	4,40					Tổ dân phố Phúc Sơn	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
10	Chỉnh trang đường Đặng Nguyên Cẩn.	0,80					0,80	Tổ dân phố Tiên Sơn, Tân Miếu	
11	Đường giao thông từ nghĩa trang Liệt sỹ đến đường Nguyễn Xi, Tổ dân phố 2	0,36					0,36	Tổ dân phố 2	
12	Đường giao thông phía Tây khu Đồng Miếu, Tổ dân phố 7 phường Bắc Hồng Lĩnh (phía Tây nhà văn hóa Tổ dân phố 7).	0,27	0,27					Tổ dân phố 7	
13	Xây dựng mới tuyến đường Vành đai chống ngập lụt vùng trũng Xuân Lam, phường Bắc Hồng Lĩnh	2,10	0,50				1,60	Tổ dân phố Xuân Lam 1-2; Xuân Lam 3-4; Xuân Lam 5	
14	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường trục chính cứu hộ, cứu nạn và tránh lũ đoạn từ QL1A vào Khu dân cư tập trung Xuân Lam, phường Bắc Hồng Lĩnh	1,54	0,54				1,00	Tổ dân phố Xuân Lam 1-2; Xuân Lam 3-4; Xuân Lam 6	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Tiên Sơn, phường Trung Lương.	3,00	3,00					Tổ dân phố Tiên Sơn, Phúc Sơn	
16	Đường giao thông phía Tây Trung tâm Y tế Hồng Lĩnh.	2,00	2,00					Tổ dân phố Ngọc Sơn, Đồng Thuận	
17	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Hưng Tạo (từ đường Ngô Đức Kế đến đường Ngọc Sơn)	1,50	0,50				1,00	Tổ dân phố 7, Ngọc Sơn, Đồng Thuận	
18	Đường giao thông khu dân cư phía bắc đường Võ Nguyễn Giáp, Tổ dân phố Thuận Hồng	1,70					1,70	Tổ dân phố Thuận Hồng	
19	Đường giao thông khu dân cư Tổ dân phố Thuận Hòa	0,40					0,40	Tổ dân phố Thuận Hòa	
20	Đường giao thông Khu dân cư phía Biên Cầu	0,70	0,70					Tổ dân phố Đồng Thuận	
21	Đường giao thông Tổ dân phố Thuận Minh và Quỳnh Lâm, phường Bắc Hồng Lĩnh	1,95	1,50				0,45	Tổ dân phố Thuận Minh, Quỳnh Lâm	
22	Đường giao thông Khu dân cư Tổ dân phố Xuân Lam 1	0,60	0,60					Tổ dân phố Xuân Lam 1	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
IV	Đất công trình năng lượng	0,23	0,10				0,13		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ và Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,03					0,03	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
2	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực thị xã Hồng Lĩnh, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,05					0,05	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ và Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,15	0,10				0,05	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
V	Đất ở đô thị	9,88	9,88						
1	Khu dân cư phía bắc đường Trần Phú (TĐC đường sắt cao tốc)	3,48	3,48					Tổ dân phố Thuận Tiến	
2	Khu tái định cư tại Vùng Con Căng, Tổ dân phố Xuân Lam 1	1,50	1,50					Tổ dân phố Xuân Lam 1	
3	Nhà ở xã hội, Tổ dân phố Thuận Minh và Quỳnh Lâm	4,90	4,90					Tổ dân phố Thuận Minh, Quỳnh Lâm	
VI	Đất Thủy Lợi	0,85					0,85		
1	Dự án Cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi kênh Nhà Lê	0,85					0,85	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
VII	Đất cơ sở y tế	1,14					1,14		
1	Đất y tế	1,14					1,14	Tổ dân phố 10	
VIII	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,40	1,40						
1	Mở rộng trường Mầm non Xuân Lam	1,40	1,40					Tổ dân phố Xuân Lam 1	
33	Tổng: 33 danh mục	325,95	275,11				50,84		

PHỤ LỤC 9. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình giao thông	14,10	13,20				0,90		
1	Chỉnh trang đô thị một số tuyến đường trên địa bàn phường	0,50	0,20				0,30	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tổ dân phố 6 Nam Hồng	4,30	4,10				0,20	Tổ dân phố 6 Nam Hồng	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tổ dân phố 8 Nam Hồng	4,70	4,50				0,20	Tổ dân phố 8 Nam Hồng	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tổ dân phố 6 Đậu Liêu	4,60	4,40				0,20	Tổ dân phố 6 Đậu Liêu	
II	Đất công trình thủy lợi	0,04	0,04						
1	Xây dựng mương tưới dọc đường Đông Xá	0,04	0,04					Tổ dân phố 1 Đậu Liêu	
III	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	2,70	2,40				0,30		
1	Trường THPT Hồng Lĩnh (Điểm mới)	2,30	2,20				0,10	Tổ dân phố 8 Nam Hồng	
2	Mở rộng trường TH và THCS Thuận Lộc	0,40	0,20				0,20	Tổ dân phố Thuận Sơn	
IV	Đất ở tại đô thị	14,00	8,30				5,70		
1	Nhà ở xã hội khu vực Tổ dân phố 7 Đậu Liêu	8,00	7,80				0,20	Tổ dân phố 7 Đậu Liêu	
2	Nhà ở xã hội khu vực Tổ dân phố 1 Nam Hồng	6,00	0,50				5,50	Tổ dân phố 1 Nam Hồng	
V	Đất công trình năng lượng	10,42	10,03				0,39		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ và Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,03					0,03	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp các huyện Can Lộc, Đức Thọ, Vũ Quang, Hương Sơn và thị xã Hồng Lĩnh - tỉnh Hà Tĩnh năm 2025 theo phương pháp đa chia - đa nối (MDMC)	0,20	0,20					Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Đức Thọ và Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,15	0,10				0,05	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV (Phục vụ GPMB dự án đường sắt TĐC trục Bắc - Nam)	1,00	0,90				0,10	Tổ dân phố Thuận Giang	
5	Hệ thống đường dây 110Kv (Phục vụ GPMB dự án đường sắt TĐC trục Bắc - Nam)	9,00	8,80				0,20	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
6	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp các huyện Can Lộc, Nghi Xuân và thị xã Hồng Lĩnh – tỉnh Hà Tĩnh năm 2025 theo phương pháp đa chia – đa nối (MDMC)	0,01	0,01					Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
7	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã, phường phía Bắc tỉnh Hà Tĩnh bổ sung năm 2025	0,03	0,02				0,01	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
VI	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	8,38	8,20				0,18		
1	Xây dựng Công viên, Quảng trường trung tâm phường	8,38	8,20				0,18	Tổ dân phố 6 Nam Hồng	
VII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2,30	2,14				0,16		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tòa án nhân dân Khu vực 3 Hà Tĩnh	1,20	1,10				0,10	Tổ dân phố 7 Nam Hồng	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Thi hành án Khu vực 3 Hà Tĩnh	0,90	0,85				0,05	Tổ dân phố 7 Nam Hồng	
3	Mở rộng Trụ sở làm việc Thuế cơ sở 3	0,20	0,19				0,01	Tổ dân phố 7 Nam Hồng	
20	Tổng: 20 danh mục	51,94	44,31				7,63		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 10. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG HOÀNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở đô thị	8,50	-				8,50		
1	Khu Nhà ở xã hội	8,50					8,50	Tổ dân phố Lê Lợi	
II	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,84					3,84		
1	Bệnh viện Nam Kỳ Anh	3,84					3,84	Tổ dân phố Lên Phú	
III	Đất công trình năng lượng	106,76	0,02		6,80	0,21	99,73		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung thế cấp điện tạm thời nhà máy sản xuất ô tô điện – khu công nghiệp Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,01				0,01	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,01	0,01					Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
3	Dự án Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	6,80			6,80			Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
4	Dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng III	44,93					44,93	Tổ dân phố Thắng Lợi	
5	Dự án kho LNG Bắc Trung Bộ	53,00					53,00	Tổ dân phố Thắng Lợi	
6	TBA và Nhà điều hành dự án Điện gió Kỳ Nam	2,00				0,21	1,79	Tổ dân phố Quý Huệ	
IV	Đất khai thác khoáng sản	24,70				18,10	6,60		
1	Khu đất san lấp Hoàng Sơn 1 (núi Cây Khế)	11,50				4,90	6,60	Tổ dân phố Lê Lợi	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Khu đất san lấp Hoành Sơn 2 (núi Cụt Trờ)	7,20				7,20		Tổ dân phố Ba Đồng	
3	Mỏ đá Hoành Sơn	6,00				6,00		Tổ dân phố Hồng Sơn	
11	Tổng: 11 danh mục	143,80	0,02		6,80	18,31	118,67		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 11. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG HẢI NINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Dự án xây dựng công trình giao thông	5,00			2,80	1,00	1,20		
1	Đường từ cảng Vũng Áng đi khu đô thị du lịch Kỳ Ninh và cầu Cửa Khẩu khu KKT Vũng Áng	5,00			2,80	1,00	1,20	Tổ dân phố Tam Hải 2	
II	Dự án xây dựng công trình năng lượng	2,79					2,79		
1	Dự án điện gió Kỳ Ninh	2,79					2,79	Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
2	Tổng: 02 danh mục	7,79			2,80	1,00	3,99		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 12. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG SÔNG TRÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	5,45	2,50				2,95		
1	Đường vào nhà máy xử lý nước thải phường Hưng Trí	2,10	1,20				0,90	Tổ dân phố Trần Phú, phường Sông Trí	
2	Đường vành đai phía Tây thị xã Kỳ Anh	3,30	1,30				2,00	Tổ dân phố Hưng Lợi, phường Sông Trí	
3	Nâng cấp ngõ 123, đường Lê Đại Hành	0,05					0,05	Tổ dân phố 3, phường Sông Trí	
II	Đất khai thác khoáng sản	58,02				58,02			
1	Đất san lấp Sông Trí 1, phường Sông Trí	6,32				6,32		Tổ dân phố Trần Phú, phường Sông Trí	
2	Đất san lấp Sông Trí 3, phường Sông Trí	51,70				51,70		Tổ dân phố Đông Trinh, phường Sông Trí	
5	Tổng: 05 danh mục	63,47	2,50			58,02	2,95		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 13. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
PHƯỜNG VŨNG ÁNG

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	1,50					1,50		
1	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường trục chính Tổ dân phố Tây Yên, phường Vũng Áng	0,90					0,90	Tổ dân phố Tây Yên	
2	Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Vệ đến nhà ông Nhiêu	0,20					0,20	Tổ dân phố Liên Giang	
3	Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Trung (Tổ dân phố Long Sơn) đến đất Nghĩa trang Tổ dân phố Long Sơn	0,40					0,40	Tổ dân phố Long Sơn	
II	Đất ở đô thị	246,68					246,68		
1	Khu tái định cư phường Kỳ Thịnh tại tổ dân phố Trường Sơn, thị xã Kỳ Anh (nay là tổ dân phố Trường Sơn, phường Vũng Áng)	246,68					246,68	Tổ dân phố Trường Sơn	
III	Đất mặt nước chuyên dùng	81,06	40,53				40,53		
1	Dự án Hồ Điều Hòa	81,06	40,53				40,53	Tổ dân phố Tây - Kỳ Thịnh	
IV	Đất công trình năng lượng	16,84			15,69	1,15			
1	Trang trại Phong điện HBRE Hà Tĩnh	16,84			15,69	1,15		Các tổ dân phố trên địa bàn phường	
6	Tổng: 06 danh mục	346,08	40,53		15,69	1,15	288,71		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 14. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ VŨ QUANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	0,02	0,01			0,01			
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026.	0,02	0,01			0,01		Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất ở	0,10					0,10		
1	Đất ở lấy trên đất nhà văn hóa TDP3, TDP6	0,10					0,10		
III	Đất tôn giáo	1,23				0,60	0,63		
1	Giáo xứ Mân Côi	1,23				0,60	0,63	Thôn 5, xã Thọ Điền (cũ)	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất hoạt động khoáng sản	7,70				7,70			
1	Mỏ đất thôn 1 xã Vũ Quang.	7,70				7,70		Thôn 1, thị trấn Vũ Quang (cũ)	
4	Tổng: 04 danh mục	9,05	0,01			8,31	0,73		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 15. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THƯỢNG ĐỨC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	1,18	0,27			0,91			
1	Dự án Đường dây 500Kv Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	1,18	0,27			0,91		Thôn Liên Châu, Liên Hòa	
II	Đất ở nông thôn	5,55	1,39				4,16		
1	Đất ở thôn 1, thôn 2, thôn 7	1,78	1,39				0,39	Thôn 7	
2	Đất ở xen dăm thôn Hương Phố	0,60					0,60	Thôn Hương Phố	
3	Đất ở xen dăm thôn Hương Đại	0,60					0,60	Thôn Hương Đại	
4	Đất ở thôn Hương Phố	1,2	0				1,2	Thôn Hương Phố	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đất ở thôn Hội Trung	1,37	0				1,37	Thôn Hương Phố	
III	Đất giao thông	1,47					1,47		
1	Nâng cấp Mở rộng đường huyện DH77 (đường IFAD)	0,55					0,55	Thôn 6, thôn 7, thôn Hương Phố	
2	Đường huyện ĐH.76 (Đường Ân Phú, Cửa Rào)	0,92					0,92	Thôn Hội Trung, Đồn Thượng, Tân Lệ, Bình quang	
8	Tổng: 08 danh mục	8,20	1,66			0,91	5,63		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 16. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ MAI HOA**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	0,70					0,70		
1	Đất ở đầu giá Thôn Bình Phong, Thanh Bình, Thanh Sơn (bổ sung)	0,70					0,70	Thôn Bình Phong, Thanh Bình, Thanh Sơn	
II	Đất giao thông	5,20	2,90				2,30		
1	Mở rộng nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn xã Mai Hoa tuyến Thanh Bình, Thanh Sơn	1,20	0,20				1,00	Yên Du , Thanh son, Thanh Bình	
2	Mở rộng nâng cấp tuyến đường giao thông trục xã	0,80	0,50				0,30	Thôn 4 xã Ân Phú (cũ)	
3	Đường giao thông thôn Thanh Bình xã Đức Lĩnh	0,40	0,30				0,10	Thôn Thanh Bình	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đường giao thông thôn Thanh Bình xã Đức Lĩnh	0,40	0,30				0,10	Thôn Thanh Bình	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Dự án Hệ thống chống ngập úng xã Mai Hoa (Từ xã Đức Lĩnh Cũ - Đức Giang)	2,40	1,60				0,80	Thôn Yên Du đến Thôn Hợp Phát	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất công trình năng lượng	0,40	0,25				0,15		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng	0,40	0,25				0,15	Thôn 1, Thôn Mỹ Ngọc	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Tổng: 07 danh mục	6,30	3,15				3,15		

PHỤ LỤC 17. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỨC THỌ

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	39,74	29,14				10,60		
1	Đất ở thôn Làng Hạ	0,12	0,12					Thôn Làng Hạ	
2	Đất ở vùng Trảng Bàng thôn Tân Sơn	1,00					1,00	Thôn Trảm Bàng Thôn Tân Sơn	
3	Đất ở Đồng Trọt thôn Đồng Lạc	1,80	1,30				0,50	Thôn Đồng Lạc	
4	Đất ở Đồng Nương, Thôn Thượng Lĩnh	1,00					1,00	Thôn Thượng Lĩnh	
5	Đất ở Đồng Rậm 2	1,50	1,20				0,30	Thôn Châu Lĩnh	
6	Đất ở đồng Trưa, Sau Làng (Đồng Hòa, Tân Xuyên, Tân Mỹ)	3,00	0,50				2,50	Thôn Đồng Hòa, Thôn Tân Xuyên	
7	Đất ở tại đồng Trộc, đồng Rậm	1,00					1,00	Thôn Tân Tiến	
8	Đất ở tại Kè Bìn Thôn Tân Tiến	1,00	0,50				0,50	Thôn Tân Tiến	
9	Đất ở Thôn Đồng Vịnh	0,82	0,52				0,30	Thôn Đồng Vịnh	
10	Khu đô thị, dịch vụ phía Đông Nam thị trấn Đức Thọ	28,50	25,00				3,50	Đại Lợi	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất giao thông	25,87	22,75				3,12		
1	Đường giao thông NT tổ dân phố Tân Định (ngoài đê La Giang) từ nhà văn hóa xuống đường đập	0,72	0,22				0,50	Thôn Tân Định	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đường GTNT thôn Đại Lợi	0,02					0,02	Thôn Đại Lợi	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Dự án Đường vành đai phía Tây Nam (thị trấn Đức Thọ cũ)	7,35	7,35					Xã Đức Thọ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Dự án Đường trục chính Thị trấn mở rộng	11,80	11,80					Xã Đức Thọ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang đường giao thông thôn Làng Hạ	0,50	0,20				0,30	Thôn Làng Hạ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đường giao thông, mương thoát nước tiêu úng xã Đức Thọ	0,50	0,40				0,10	Làng Hạ, Thôn Đông Đoài	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Dự án: Nâng cấp mở rộng đường ĐH.30 đoạn từ đường QL8 đến trường mầm non Đức Yên (dài 1,2km)	0,60	0,60					Thôn Đại Lợi	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Dự án: Làm mới các tuyến đường GTNT bằng bê tông xi măng khu vực xã Tân Dân cũ (1,55km)	1,08	1,08					Tân tiến, Tân Mỹ, Thôn Long Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Đường trục thôn 2 Tân Mỹ	0,40					0,40	Thôn Tân Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Đường GTNT thôn Trầm Bàng	1,50	0,50				1,00	Thôn Trầm Bàng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
11	Đường trung tâm xã ĐH56 lên Chùa Am	1,40	0,60				0,80	Thượng Lĩnh □	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất thủy lợi	9,10	1,00				8,10		
1	Kè bờ hữu sông La đoạn qua xã Đức Thọ (Tổ dân phố3-Tổ dân phố4 Thị trấn Đức Thọ cũ)	0,90					0,90	Thôn 3,4,6	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Kè 02 bên Hói Đền Quanh, thôn Đông Đoài, xã Hòa lạc (cũ);	0,80					0,80	Thôn Đông Đoài	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết địnhĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Kè và đường hồ Bàu Mới (Hồ Điều Hòa ...)	5,20					5,20	Thôn 1 Thị trấn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Hệ thống hạ tầng tiêu thoát lũ khu vực đô thị xã Đức Thọ	1,50	0,80				0,70	xã Đức Thọ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Hệ thống Kênh tiêu úng thôn Trầm Bàng	0,70	0,20				0,50	Thôn Trầm Bàng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	6,50					6,50		
1	Dự án Xây dựng Công viên Trung tâm xã Đức Thọ	6,50					6,50	Tổ dân phố 1	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất văn hoá	0,51					0,51		
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Vịnh (lấy đất Trường Mầm non cơ sở 2)	0,20					0,20	Thôn Đồng Vịnh Trường mầm non CS 2, Thôn Đồng Vịnh	
2	Nhà văn hóa thôn Thịnh Cường (lấy trên đất trường tiểu học đức long cơ sở 2)	0,09					0,09	Thôn Thịnh Cường	
3	Nhà văn hoá tổ dân phố 6	0,22					0,22		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
VI	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,56	1,12				0,44		
1	Mở rộng trường Mầm non xã Đức Long	0,12					0,12	Thôn Lộc Phúc	
2	Mở rộng trường Mầm Non xã Đức Yên	0,20	0,20					Thôn Đại Lợi,	
3	Mở rộng trường mầm non thị Trấn	0,20	0,20					Thôn 2	
4	Mở rộng trường tiểu học Đức Yên (lấy trên đất UBND xã Đức Yên cũ)	0,32					0,32	Thôn Đại Lợi	
5	Mở rộng trường tiểu học Thị trấn	0,57	0,57					Thôn 2	
6	Mở rộng trường Mầm Non	0,15	0,15					Thôn Châu Trinh	
VII	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	1,22	1,00				0,22		
1	Đất thể thao (thôn Trầm Bàng)	0,02					0,02	Thôn Trầm Bàng □	
2	Đất thể thao thôn (thôn Thịnh Cường)	0,20	0,20					Thôn Thịnh Cường	
3	Đất thể thao thôn (thôn Cầu Đôi)	0,20					0,20	Thôn Cầu Đôi	
4	Đất thể thao thôn (thôn Đồng Vịnh)	0,20	0,20					Thôn Đồng Vịnh	
5	Đất thể thao thôn Phụng Thành	0,20	0,20					Thôn Phụng Thành	
6	Đất thể thao thôn (thôn Long Lập)	0,20	0,20					Thôn Long Lập	
7	Mở rộng sân vận động trung tâm xã	0,20	0,20					Thôn Long Lập	
VIII	Đất cơ sở tôn giáo	44,18				8,83	35,35		
1	Mở rộng chùa Bạch Lộc	0,20					0,20	Thôn Lộc Phúc	
2	Mở rộng chùa Am	7,23				7,23		Thôn Trại Trấn	
3	Mở rộng chùa Bạch Lộc	1,60				1,60		Thôn Lộc Phúc	
4	Chùa Tiên Lữ	35,00					35,00	Thôn Tân Tiến	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
5	Mở rộng giáo họ Yên Tân	0,15					0,15	Thôn Tân Định	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IX	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,00	1,65			2,00	4,35		
1	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa vùng Trại làng thôn Tân Mỹ	2,00					2,00	Thôn Tân Mỹ	
2	Mở rộng nghĩa trang thôn Tân Tiến	1,00					1,00	Thôn Tân Tiến	
3	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa (Thôn Phụng Thành)	2,00				2,00		Thôn Phụng	
4	Nghĩa Trang Tân Cội	2,00	1,65				0,35	Thôn Đại Nghĩa	
5	Mở rộng nghĩa trang Hòn Nhét	1,00					1,00	Thôn Sơn Lễ	
X	Đất công trình năng lượng	4,26	3,93				0,33		
1	Dự án đường dây 500kV Vĩnh Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2	3,42	3,10				0,32	Các thôn tại xã Hòa Lạc (cũ)	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 377 E18.7 Hương Sơn và ĐZ 372 E18.2 Đức Thọ để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,04	0,03				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,25	0,25					Thôn Châu Tùng	
4	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Đức Thọ, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,55	0,55					Các thôn tại xã Tùng Ảnh, Đức Lạng, Tân Dân (cũ)	
57	Tổng: 57 danh mục	140,94	60,59			10,83	69,52		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 18. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỨC THỊNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	26,73	23,60				3,13		
1	Đất ở Vùng đồng sau chùa	3,50	3,50					Thôn Bình Định	
2	Đất ở vùng Đồng Cửa Ngoài	4,00	4,00					Thôn Bình Tiến B; Bình Định	
3	Đất ở tại Nhà văn hóa cũ: Đại Tiến, Trung Nam, Nội Trung	0,07					0,07	Thôn Đại Tiến, Trung Nam, Nội Trung	
4	Đất ở nhà văn hoá thôn cũ Long Thành	0,06					0,06	Thôn Long Thành	
5	Đất ở thôn Đại Tiến	1,10	1,10					Thôn Đại Tiến	
6	Đất ở Vùng Mụ Ngót, Nuôi Tài	2,00	2,00					Thôn Trung Đại Lâm	
7	Đất ở đồng Tháng 10	1,00	1,00					Thôn Đại Lợi	
8	Đất ở dân cư Đồng Cửa	1,60	1,60					Thôn Thanh Đình	
9	Đất ở Đồng Xư thôn Đại An	0,70	0,70					Thôn Đại An	
10	Đất ở thôn Trung Nam, Đông Dũng	2,00	2,00					thôn Trung Nam, Đông Dũng	
11	Đất ở xem dăm các vị trí nhỏ lẻ trong khu dân cư	3,00					3,0	Các thôn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
12	Đất ở vùng đồng Phốc Trong thôn Trung Đông	4,70	4,70					Thôn Trung Đông	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Đất ở thôn Trung Nam	1,50	1,50					Thôn Trung Nam	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Đất ở vùng giáp trường Mầm non Thái Yên 1,5ha	1,50	1,50					Thôn Bình Hà	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất giao thông	29,10	29,10						Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đường từ Ngã 3 Lạc Thiện (QL8A) đến QL 281 (ngã 3 ông Trường)	5,00	5,0					Thôn Trung Tiến, Trung Khánh, Long Thành, Ngọc Lâm	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đường từ Quán Nậu đến thôn Đại An	1,00	1,0					Thôn Ngọc Lâm, Long Thành, Đại An	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Mở rộng đường vào Cầu Bãi Thện	0,10	0,10					Thôn Gia Thịnh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
5	Mở rộng các tuyến đường giao thông khu vực Thanh Bình Thịnh	8,00	8,00					khu vực Thanh Bình Thịnh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Mở rộng các tuyến đường giao thông khu vực Lâm Trung Thủy	7,50	7,50					khu vực Lâm Trung Thủy	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Mở rộng các tuyến đường giao thông khu vực An Dũng	6,00	6,00					Các thôn tại xã An Dũng cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đường từ Trung Đại Lâm đến Ngọc Lâm	1,50	1,50					Thôn Trung Đại Lâm, Ngọc Lâm	
III	Đất cụm công nghiệp	72,61	67,36				5,25		
1	Mở rộng CCN Thái Yên	42,61	37,36				5,25	Thôn Bình Định	
2	CCN Lạc Thiện	30,00	30,00					Thôn Trung Tiến	
IV	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2,50	2,50						
1	Trụ sở xã Đức Thịnh	1,50	1,50					Thôn Trung Nam	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Trụ sở Công An xã	1,00	1,00					Thôn Trung Nam	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất cơ sở giáo dục, đào tạo	1,00	0,40				0,60		
1	Trường mầm non Đức Dũng (Lấy trên đất UBND xã Đức Dũng Cũ)	0,60					0,60	Thôn Đông Dũng	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Mở rộng Trường THCS Lê Văn Thiêm	0,40	0,40					Trung Đông	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
VI	Đất tôn giáo	0,80	0,80						
1	Nhà thờ Giáo xứ Thượng Ích	0,80	0,80					Trung Đại Lâm	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
VII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,50	3,50						
1	Mở rộng nghĩa trang Nhà Thờ	2,00	2,00					Đồng Thanh Lâm, Đức Hương Quang	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Mở rộng nghĩa trang Mụ Bạc	1,50	1,50					Thôn Trung Đại Lâm	
VIII	Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,17	0,12				0,05		
1	Trạm Viễn Thông Duc-Thuy	0,04					0,04	Thôn Hòa Bình	
2	Trạm Viễn Thông Trung-Le	0,01					0,01	Thôn Trung Nam	
3	Trạm Viễn Thông Thai-Yen	0,04	0,04					Thôn Bình Định	
4	Trạm Viễn Thông UBND-Thai-Yen	0,08	0,08					Thôn Bình Tiến B	
IX	Đất công trình cấp thoát nước	0,60					0,60		
1	Xây dựng Nhà máy nước cấp nước Vực Trống cấp nước cho các xã: Song Lộc cũ, Phú Lộc, Thường Nga, Yên Lộc cũ, Trường Lộc, Đức Dũng, Đức Thanh	0,60					0,60	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
X	Đất chợ	0,20	0,20						
1	Mở rộng Chợ Hòm	0,20	0,20					Thôn Gia Thịnh	
37	Tổng: 37 danh mục	137,21	127,58				9,63		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 19. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỨC MINH

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	7,26	7,26						
1	Đường Trường Sơn - Tùng Châu	3,00	3,00					Thôn Bến Đền	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đường trường sơn - liên minh - tùng châu	1,00	1,00					Thôn Sâm Văn Hội	
3	Đường giao thông nội đồng (HTX Đại Tân)	0,12	0,12					Thôn Sâm Văn Hội, thôn Ngõ Lối	
4	Đường giao thông nội đồng (Châu Thịnh)	0,08	0,08					Thôn Châu Thịnh	
5	Đường giao thông nội đồng (Vĩnh Khánh)	0,48	0,48					Thôn Vĩnh Khánh	
6	Đường giao thông nội đồng (Thọ Tường)	0,36	0,36					Thôn Thọ Tường	
7	Đường giao thông nội đồng (HTX Đại Thành)	1,82	1,82					Thôn Ninh Thái	
8	Đường giao thông nội đồng (Thịnh Kim)	0,40	0,40					Thôn Thịnh Kim	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,30	0,30						
1	Mở rộng trường TH Trường Sơn	0,30	0,30					Thôn Vạn Phúc	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	3,50	3,50						
1	Mở rộng nghĩa trang Đồng Dâu	3,50	3,50					Thôn Thọ Tường	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất ở tại nông thôn	4,50	3,10				1,40		
1	Đất ở đường HL08 (ông seo, hạ mòi)	1,80	0,90				0,90	Thôn Văn Khang	
2	Đất ở đường lò vôi (ngõ ông tự An Tùng cũ) Thôn Tân An	0,50					0,50	Thôn Tân An	
3	Đất ở khu dân cư Trang Gát thôn Vạn Phúc	0,20	0,20					Thôn Vạn Phúc	
4	Đất ở từ cổng xóm 7	1,00	1,00					Thôn Vạn Phúc	
5	Đất ở đường trục xã (Mụ bà - bại thấp)	1,00	1,00					Thôn Thịnh Kim	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Tổng: 15 danh mục	15,56	14,16				1,40		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 20. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỨC QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2,80	0,30				2,50		
1	Trường Mầm non Bùi La Nhân, xã Đức Quang	2,30					2,30	Thôn Hạ Tứ	
2	Mở rộng Trường tiểu học Xuân Thiều	0,5	0,3				0,20	Thôn Hạ Tứ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,50	0,40				0,10		
1	Mở rộng nghĩa trang đồng cháng	0,50	0,40				0,10	Thôn Quyết Tiến	
III	Đất ở tại nông thôn	14,46	7,78				6,68		
1	Đất tái định cư các hộ dân do Đường sắt cao tốc đi qua	1,5	1,5					Thôn Trung Nam Hồng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đất ở trên đất nhà văn hoá thôn	0,02					0,02	Thôn Phú Quý	
3	Đất ở Vùng Biền Đông, Đồng Trám thôn Trung Văn Minh, Thôn Tiến Thọ	1,2	1,2					Thôn Trung Văn Minh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đất ở tuyến 1 QL8A thôn Phú Quý	0,06	0,06					Thôn Phú Quý	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
5	Đất ở Vùng ngã tư Trỏ, đồng Mường (đường QL 8A, đường ĐH 47 dãy 1,2,3)	0,6	0,6					Đồng Mường Thôn Tiến Hòa	
6	Đất ở xen dăm thôn Trung Nam Hồng	0,04					0,04	Thôn Trung Nam Hồng	
7	Đất ở nhà văn hóa thôn 3 cũ	0,12					0,12	Thôn Triều Đông	
8	Đất ở Quán Tre tuyến 2;3	2,00	2,00					Thôn Phú Quý	
9	Đất ở xen dăm nhà văn hóa thôn Tiên Phong (ONT)	0,3					0,3	Thôn Tiên Phong	
10	Đất ở ngã tư Trỏ (Tiến Hòa)	0,8	0,8					Thôn Tiến Hòa	
11	Đất ở vùng xen dăm Nghè Cấn, Tiên Phong (nhà văn hóa cũ)	0,3	0,3					Thôn Tiên Phong	
12	Đất ở dân cư xóm Vĩnh Hoà	0,1					0,1	Thôn Vĩnh Hòa	
13	Đất ở xen dăm thôn Trung Thành	1,0					1,0	Thôn Trung Thành	
14	Đất ở tại Cây Mung	0,06					0,06	Thôn Hạ Tứ	
15	Đất ở xen dăm Thôn Phú Quý, Khang Ninh	0,35	0,12				0,23	Thôn Phú Quý, Khang Ninh	
16	Đất ở dân cư Nhà An (xã Quang Vĩnh cũ)	2,34					2,34	xã Quang Vĩnh cũ	
17	Đất ở Ngụ Lầu thôn Hoa Đình	0,97					0,97	Thôn Hoa Đình	
18	Đất ở Vùng Biền Đông, Đồng Trám thôn Trung Văn Minh, Thôn Tiên Thọ	2,7	1,2				1,5	Thôn Trung Văn Minh	
IV	Đất công trình năng lượng	0,15	0,10				0,05		
1	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 373E18.2 với ĐZ 373E18.4	0,05	0,05					Các thôn trên địa bàn xã	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Linh Cảm (E18.2), Đức Thọ (E18.4), Hương Sơn (E18.7) khu vực huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn theo phương án đa chia đa nối (MDMC) (Thuộc dự án: Trạm biến áp phân phối, tuyến đường dây trung áp, tuyến đường dây hạ áp)	0,1	0,05				0,05	Các thôn trên địa bàn xã	
V	Đất viển thông	0,15					0,15		
1	Trạm Viễn Thông Bui-Xa	0,05					0,05	Thôn Xứ Đồng Con Mưng	
2	Trạm viễn thông Đức Quang	0,05					0,05	Thôn Quang Lộc	
3	Trạm Viễn Thông Duc-Nhan	0,05					0,05	Thôn Phú Quý	
26	Tổng: 26 danh mục	18,06	8,58				9,48		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 21. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỨC ĐỒNG

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	15,09					15,09		
1	Mỏ đất san lấp	15,09					15,09	Thôn Tân Quang	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất chợ	0,14					0,14		
1	Mở rộng chợ Đàng	0,14					0,14	Thôn Hồng Hoa	
III	Đất ở tại nông thôn	6,97					6,97		
1	Đất ở vùng Đồng Biên, Thôn Đồng Vịnh	1,00					1,00	Thôn Đồng Vịnh	
2	Đất ở vùng Đồng Cồn, Thôn Đồng Vịnh	0,50					0,50	Thôn Đồng Vịnh	
3	Đất ở vùng Biên, Thôn Thanh Phúc	1,00					1,00	Thôn Thanh Phúc	
4	Đất ở Thôn Sơn Quang	1,00					1,00	Thôn Sơn Quang	
5	Đất ở Đồng Trạng, Thôn Hồng Hoa	0,67					0,67	Thôn Hồng Hoa	
IV	Đất công trình năng lượng	4,37	1,98			1,50	0,89		
1	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2	4,37	1,98			1,50	0,89	Thôn Tân Quang 1; Thanh Sơn; Phúc Hòa; Đồng Tâm	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Tổng: 08 danh mục	26,57	1,98			1,50	23,09		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 22. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CAN LỘC

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở	82,84	72,80				10,04		
1	Đất ở thôn Sơn thịnh	1,73	1,73					Thôn Sơn Thịnh	
2	Đất ở Thôn Hồng Quang, Sơn Thịnh	1,00	1,00					Thôn Hồng Quang, Sơn Thịnh	
3	Đất ở thôn Phúc Sơn	7,68	7,68					Phúc Sơn	
4	Đất ở thôn Đồng Biên Đông	3,50	3,50					Đồng Biên Đông	
5	Đất ở Đồng Lộng, Nhà Tap, Kháo	1,44					1,44	Đồng Lộng, Nhà Tap, Kháo	
6	Đất ở Đồng Trại Màu, Đồng Kháo	1,80					1,80	Đồng Trại Màu, Đồng Kháo	
7	Đất ở thôn Hồng Tân	1,40	0,60				0,80	thôn Hồng Tân	
8	Đất ở vùng Bệ	0,80					0,80	Vùng Bệ	
9	Đất ở thôn Đông Nam	1,70	1,70					Thôn Đông Nam	
10	Đất ở thôn Hồng Vượng	2,28	2,28					Thôn Hồng Vượng	
11	Đất ở thôn Đoài Duyệt	1,56	1,56					Thôn Đoài Duyệt	
12	Đất ở thôn Cử Lâm	0,85	0,85					Thôn Cử Lâm	
13	Đất ở thôn Vĩnh Phong	3,50	3,50					Thôn Vĩnh Phong	
14	Khu đô thị mới tại thị trấn Nghèn	40,50	36,40				4,10	Đồng Hang, thôn 6	
15	Đất ở thôn Vĩnh Phong	5,00	5,00					Thôn Vĩnh Phong	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
16	Khu tái định cư phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam tại thôn Đoài Duyệt	4,60	4,60					Thôn Đoài Duyệt	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
17	Khu dân cư thôn Xuân Hồng (một phần phục vụ tái định cư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam)	2,00	2,00					Thôn Xuân Hồng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
18	Đất ở thôn Làng Lau	1,10					1,10	Thôn Làng Lau	
19	Đất ở thôn Đông Mỹ	0,40	0,40					Thôn Đông Mỹ	
II	Đất tín ngưỡng	1,00					1,00		
1	Bến đò Thượng Trụ	1,00					1,00	Thôn Đoàn Kết	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất xây dựng công trình giao thông	4,00	4,00						
1	Đường trục chính	2,00	2,00					Thôn Hồng Vượng, thôn Làng mới, Thôn Làng Lau	
2	Đường trục chính trung tâm xã	2,00	2,00					Thôn Xuân Thuỷ	
IV	Đất công trình năng lượng	0,58	0,55				0,03		
1	Đường điện 110kV từ Trạm 110 Nghèn đi Lộc Hà (nhà máy xử lý rác thải)	0,50	0,50					Thôn 9, thôn Đoàn Kết	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,03	0,02				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024 -2025 cho các TBA công cộng khu vực các xã Mỹ Lộc, Kim Song Trường, Vượng Lộc, Khánh Vĩnh Yên, Thiên Lộc, Gia Hanh, huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Hà Tĩnh - TBA 110kV Thạch Linh - Hồng Lĩnh	0,03	0,02				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất khu công nghiệp	100,00	90,00				10,00		
1	Khu công nghiệp Hạ Vàng	100,00	90,00				10,00	Thôn Đoàn Kết	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
23	Tổng: 23 danh mục	187,42	77,35				10,07		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 23. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ TRƯỜNG LƯU**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	12,76	12,76						
1	Đất ở thôn Đông Nam	2,00	2,00					Thôn Đông Nam	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đất ở thôn Đông Nam	4,00	4,00					Thôn Trung Hòa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đất ở thôn Thượng Xá	3,12	2,80				0,32	Thôn Thượng Xá	
4	Đất ở thôn Phúc Tân	1,00	1,00					Thôn Phúc Tân	
5	Đất ở thôn Phúc Tân	0,16	0,16					Thôn Đồng Hới Cuốc, thôn Phúc Tân	
6	Đất ở thôn Tam Đình	3,00	2,80				0,20	Thôn Tam Đình	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,27	0,13				0,14		
1	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,10	0,02				0,08	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp các huyện Can Lộc, Đức Thọ, Vũ Quang, Hương Sơn và thị xã Hồng Lĩnh - tỉnh Hà Tĩnh năm 2025 theo phương pháp đa chia - đa nối (MDMC)	0,01	0,01					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2024	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024 - 2025 cho các TBA công cộng khu vực các xã Mỹ Lộc, Kim Song Trường, Vượng Lộc, Khánh Vĩnh Yên, Thiên Lộc, Gia Hanh, huyện Can Lộc tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
6	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,01					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã vùng trung tâm tỉnh Hà Tĩnh bổ sung năm 2025	0,06	0,04				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,03	0,02				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất tôn giáo	4,30	4,30						
1	Chùa Hân	1,00	1,00					Thôn Tân Tiến	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Chùa Vĩnh Gia	0,10	0,10					Thôn Vĩnh Gia	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Chùa Bụt	3,20	3,20					Thôn Tân Tiến 2	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
17	Tổng: 17 danh mục	17,33	17,19				0,14		

**PHỤ LỤC 24. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ XUÂN LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	10,66	10,12				0,54		
1	Đất ở tại thôn Văn Cũ	1,00	1,00					Thôn Văn Cũ	
2	Đất ở tại thôn Mới	0,54					0,54	Thôn Mới	
3	Đất ở tại thôn Yên Xuân	4,83	4,83					Thôn Yên Xuân	
4	Đất ở tại thôn Mai Sơn	0,30	0,30					Thôn Mai Sơn	
5	Đất ở tại thôn Mai Sơn	1,00	1,00					Thôn Mai Sơn	
6	Đất ở tại thôn Đồng Yên	0,30	0,30					Thôn Đồng Yên	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Đất ở cho các hộ xem dầm tái định cư phục vụ đường sắt cao tốc	0,35	0,35					Thôn Trại Lê	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đất ở tại thôn Yên Bình	2,30	2,30					Thôn Yên Bình	
9	Đất ở tại xã Xuân Lộc	0,04	0,04					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất năng lượng	1,10	0,05			1,04	0,01		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2024	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,01					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đường dây 500KV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa bình 2	1,02				1,02		Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã vùng trung tâm tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,05	0,03			0,02		Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất tôn giáo	1,25				1,25			
1	Chùa Lưu Ly	0,25				0,25		Thôn Khánh Sơn, xã Sơn Lộc	
2	Chùa Long Tương	1,00				1,00		Thôn Yên Lạc, xã Quang Lộc	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
15	Tổng: 15 danh mục	13,01	10,17			2,29	0,55		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 25. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ TÙNG LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	1,44	0,44				1,00		
1	Đất ở Đồng Nậy thôn Cứu Quốc	1,44	0,44				1,00	Đồng Nậy thôn Cứu Quốc	
II	Đất giao thông	8,50	6,50				2,00		
1	Nâng cấp, mở rộng đường cứu hộ, cứu nạn Hồ chứa nước Cù Lây	2,00	1,50				0,50	Thôn Yên. Thôn Liên Sơn, thôn Cứu Quốc	
2	Đường cứu hộ, cứu nạn, kết hợp phát triển kinh tế Thôn Phúc Sơn đi đập Cu Lây	1,50	1,00				0,50	Thôn Phúc Sơn, Thôn Cứu Quốc	
3	Hệ thống giao thông nông thôn toàn xã	5,00	4,00				1,00	Toàn xã	
III	Đất công trình năng lượng	0,35	0,35						
1	Xây dựng trạm điện, cải tạo đường dây	0,10	0,10					Các thôn trên địa bàn xã	
2	Công trình nhà máy xử lý chất thải tại xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà (Hạng mục đường dây 110kv đầu nối của dự án)	0,20	0,20					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Công trình Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,05	0,05					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Tổng: 07 danh mục	10,29	7,29				3,00		

**PHỤ LỤC 26. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐỒNG LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	3,94	1,00				2,94		
1	Đất ở dân cư, thôn Bắc Mỹ	1,00	1,00					Đồng Cửa Đền, thôn Bắc Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đất ở thôn Nam Mỹ	1,60					1,60	Đồng Trưa Mạ, thôn Nam Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đất ở dân cư thôn Nam Mỹ	0,35					0,35	Sát Trường THCS, thôn Nam Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đất ở dân cư, thôn Kiến Thành	0,45					0,45	Gần NVH thôn Kiến Thành	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Giao đất ở xen kẹt ở các thôn trên địa bàn	0,54					0,54	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất công trình năng lượng	0,90				0,90			
1	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2 đoạn qua địa phận Hà Tĩnh	0,90				0,90		Thôn Khe Thờ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Tổng: 06 danh mục	4,84	1,00			0,90	2,94		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 27. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ GIA HANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	14,57	10,56				4,01		
1	Đất ở tái định cư đường sắt tốc độ cao ở đồng Nương Sậy, thôn Lương Hội	3,16	3,16					Đồng Nương Sậy, thôn Lương Hội	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đất ở thôn Nhân Phong	0,54	0,54					Thôn Nhân Phong	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đất ở thôn Bắc Trung Sơn	1,22					1,22	Thôn Bắc Trung Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đất ở thôn Hạ Triều	0,86	0,86					Thôn Hạ Triều	
5	Đất ở thôn Thạch Ngọc	3,50	3,50					Thôn Thạch Ngọc	
6	Đất ở thôn Thạch Ngọc	0,68	0,30				0,38	Thôn Thạch Ngọc	
7	Đất ở thôn Phong Sơn	4,30	2,20				2,10	Thôn Phong Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đất ở thôn Mỹ Thủy	0,31					0,31	Thôn Mỹ Thủy	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Đất giao thông	6,00	6,00						
1	Hệ thống giao thông nông thôn toàn xã	6,00	6,00					Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất trụ sở cơ quan	0,90	0,90						
1	Mở rộng trụ sở UBND xã	0,90	0,90					Thôn Hạ Triều	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,10	0,10						
1	Xây dựng trạm điện, cải tạo đường dây	0,10	0,10					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,80	1,80						
1	Mở rộng nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ đường sắt tốc độ cao)	1,80	1,80					Đồng Lâm	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Tổng: 12 danh mục	23,37	19,36				4,01		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 28. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	18,30	3,50				14,80		
1	Dự án xây dựng Đường Lê Minh Hương kéo dài	1,60	0,60				1,00	Thôn 3	
2	Dự án xây dựng Đường giao thông kết nối đường HCM đi thôn Cự Nương	1,10	0,30				0,80	Thôn Cự Nương	
3	Dự án xây dựng Đường trục kết nối các khu vực trung tâm xã và các tuyến từ Quốc lộ 8 kết nối với khu vực phía Đông Nam của xã	13,50	2,00				11,50	Các thôn trên địa bàn xã	
4	Dự án mở rộng Đường ven sông kết nối Cầu Vực Nầm với Quốc lộ 8C (khu vực xã Sơn Ninh cũ)	0,50					0,50	Các thôn trên địa bàn xã	
5	Dự án mở rộng đường giao thông thôn Hà Tiến, thôn Dương Đình (đương vào nghĩa trang Sơn Ninh cũ)	1,60	0,60				1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất thủy lợi	5,45					5,45		
1	Dự án Kè chống sạt lở Bàu E, Bàu Bạc	3,20					3,20	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Dự án xây dựng Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Phố (Qua các thôn 1, 2, 3, Trà Sơn, Kim Sơn)	2,25					2,25	Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất ở tại nông thôn	1,40	1,10				0,30		
1	Dự án xây dựng Điểm dân cư nông thôn xen dăm tại thôn Thanh Bằng, Kim Bằng	0,40	0,30				0,10	Thôn Thanh Bằng, thôn Kim Bằng	
2	Dự án xây dựng khu đất ở thôn Công Đăng (2 vùng)	1,00	0,80				0,20	Thôn Công Đăng	
IV	Đất công trình năng lượng	0,62	0,45				0,17		
1	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 377 E18.7 Hương Sơn và ĐZ 372 E18.2 Đức Thọ để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,05	0,03				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,01				0,00	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	
4	Xây dựng các tuyến đường dây hạ áp trên địa bàn (Dự án CQT lưới điện)	0,54	0,40				0,14	Các thôn trên địa bàn xã	
V	Đất di tích lịch sử, văn hóa	0,25					0,25		
1	Dự án xây dựng Di tích lịch sử văn hoá tại thôn Thanh Bằng (chuyển từ đất trụ sở UBND xã Sơn Bằng cũ)	0,25					0,25	Thôn Thanh Bằng	
VI	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,09					0,09		
1	Mở rộng Trường Mần non xã Sơn Trung (cũ)	0,09					0,09	Thôn Lâm Thành	
VII	Đất bãi thải và xử lý chất thải	1,70	0,30				1,40		
1	Nhà máy thoát nước thải và mạng lưới ống thu gom dọc các tuyến dân cư trung tâm xã	1,70	0,30				1,40	Các thôn trên địa bàn xã	
16	Tổng: 16 danh mục	27,81	5,35				22,46		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 29. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN KIM 1**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	5,00					5,00		
1	Nhà máy thủy điện Hương sơn 3	5,00					5,00	Thôn Hà Trai	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất ở tại nông thôn	1,84	1,84						
1	Xây dựng đất ở nông thôn tại thôn Kim Cương 1 (đầu giá quyền sử dụng đất)	1,05	1,05					Thôn Kim Cương 1	
2	Xây dựng đất ở nông thôn tại thôn Trung (đầu giá quyền sử dụng đất)	0,79	0,79					Thôn Trung	
3	Tổng: 03 danh mục	6,84	1,84				5,00		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 30. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN KIM 2

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất an ninh	0,15					0,15		
1	Mở rộng trụ sở Công an	0,15					0,15	Thôn Chế Biền	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,00					1,00		
1	Mở rộng trụ sở làm việc Đảng Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 2	1,00					1,00	Thôn Chế Biền	
III	Đất ở tại nông thôn	7,00					7,00		
1	Tái định cư tại thôn Chế Biền, Quyết Thắng 7ha	7,00					7,00	Thôn Chế Biền, Quyết Thắng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất tín ngưỡng	0,50					0,50		
1	Mở rộng nghĩa trang Hạ Vàng, Quyết Thắng	0,50					0,50	Thôn Hạ Vàng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Tổng: 04 danh mục	8,65					8,65		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 31. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN TÂY**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	5,20	3,00				2,20		
1	Đất ở đầu giá thôn Nam Nhe	1,00					1,00	Thôn Nam Nhe	
2	Đất ở đầu giá khu dân cư thôn Cây Thị	1,20					1,20	Thôn Cây Thị	
3	Đầu giá đất ở thôn Cây Chanh	3,00	3,00					Thôn Cây Chanh	
II	Đất giao thông	13,80	1,25			0,60	11,95		
1	Đường giao thông liên Thôn Cây Tắt đến Hồ Sen	0,70					0,70	Thôn Cây Tắt, Cây Thị, Hồ Sen	
2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào trung tâm thôn Phố Tây	0,90					0,90	Thôn Phố Tây	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối QL 8Q đến Nhà văn hóa thôn Cây Chanh	0,80	0,50				0,30	Thôn Cây Chanh	
4	Đường giao thông nối QL 8A vào thôn Hoàng Nam	0,60	0,20				0,40	Thôn Hoàng Nam	
5	Cảng cạn IDC Cầu Treo Hoành Sơn	10,00	0,55				9,45	Thôn Tân Thủy	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Bình	0,80				0,60	0,20	Thôn 5	
III	Đất sinh hoạt cộng đồng	1,00					1,00		
1	Nhà Văn hóa thôn Phố Tây	0,50					0,50	Thôn Phố Tây	
2	Nhà Văn hóa thôn Kim Thành	0,50					0,50	Thôn Kim Thành	
IV	Đất công trình năng lượng	5,20	1,80	0,09		0,61	2,70		
1	Đường dây 110kV Thủy điện Hương Sơn 2 - Thủy điện Hương Sơn	4,50	1,20			0,60	2,70	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Dự án CQT lưới điện	0,70	0,60	0,09		0,01		Các thôn trên địa bàn xã	
13	Tổng: 13 danh mục	25,20	6,05	0,09		1,21	17,85		

**PHỤ LỤC 32. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN HỒNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất chợ	0,32	0,18				0,14		
1	Xây dựng mới Chợ Sơn Hồng	0,32	0,18				0,14	Thôn 13	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất ở tại nông thôn	0,27					0,27		
1	Đấu giá đất ở vị trí đồng Bà Cầu - thôn 4, xã Sơn Lĩnh (nay là thôn 15 xã Sơn Hồng)	0,07					0,07	Thôn 15	
2	Đấu giá đất ở thôn 15 (vùng trước cửa ông Trung)	0,08					0,08	Thôn 15	
3	Đấu giá đất ở thôn 15 (đối diện nhà đa năng trường Trung học cơ sở Sơn Lĩnh cũ)	0,12					0,12	Thôn 15	
III	Đất giao thông	0,24	0,20				0,04		
1	Mở rộng đường giao thông từ Cây Xăng vào Cây Đa	0,24	0,20				0,04	Thôn 14	
5	Tổng: 05 danh mục	0,83	0,38				0,45		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 33. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	8,54	2,00			0,80	5,74		
1	Đường từ đường Hải Thượng đến vườn bà Đoài, xã Sơn Giang	0,20	0,20					Các thôn tại xã Sơn Giang cũ	
2	Quy hoạch đường, cầu Sông Con	0,28					0,28	Thôn Sông Con	
3	Đường vào cụm công nghiệp Quang Diệm	2,56	1,30				1,26	Thôn Quang Thủy	
4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên thôn (Thôn Lâm Đồng - Thôn Hà Sơn)	2,00	0,50			0,80	0,70	Thôn Lâm Đồng, Hà Sơn	
5	Đường vành đai đập Cây Trường	1,00					1,00	Thôn Đồng Tiến, Yên Long	
6	Mở rộng Đường Hải Thượng Lãn Ông (DH 61)	2,50					2,50	Các thôn tại xã Quang Diệm, Sơn Giang cũ	
II	Đất công trình năng lượng	0,06	0,01				0,05		
1	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 377 E18.7 Hương Sơn và ĐZ 372 E 18.2 Đức Thọ	0,05					0,05	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Xây dựng cải tạo DZ trung áp, hạ áp và TBA để giảm chống quá tải giảm tổn thất điện năng	0,01	0,01					Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất cụm công nghiệp	40,00	18,40				21,60		
1	Cụm công nghiệp Quang Diệm	40,00	18,40				21,60	Thôn Quang Thủy	
IV	Đất ở tại nông thôn	17,00	5,00				12,00		
1	Khu dân cư tại Thôn 3, thôn 4 (bám trục đường QL 8C)	15,00	5				10	Thôn 3, thôn 4	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Xây dựng khu dân cư tại thôn Đồng Phúc (vườn ươm)	0,80					0,8	Thôn Đồng Phúc	
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại vùng Trảng Bàng thôn Đồng Phúc	1,20					1,2	Thôn Đồng Phúc	
12	Tổng: 12 danh mục	65,60	25,41			0,80	39,39		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 34. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ SƠN TIẾN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,30					0,30		
1	Mở rộng khuôn viên trụ sở UBND xã Sơn Tiến	0,30					0,3	Thôn Bình Hòa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất cụm công nghiệp	8,00					8,0		
1	Mở rộng CCN Khe Cò	8,00					8,00	Thôn Khe Cò	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất công trình năng lượng	0,60	0,10				0,50		
1	Xây dựng các trạm biến áp và đường dây trung thế trên địa bàn xã	0,60	0,10				0,50	Thôn Ao Tròn, thôn Hùng Tiến, thôn Vực Ròng, Thôn Côn Sơn, thôn Cây Da, Thôn Thọ Lộc, Đức Vừ, Tây Nam, Hòa Tiến, Cù Quán, Cây Da	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
IV	Đất ở tại nông thôn	25,75	14,58				11,17		
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn đồng Cửa trạm xá, xã Sơn Lễ cũ	1,00	0,10				0,9	Thôn Đức Vừ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Lạng Giỏi, thôn Cao Thắng, xã Sơn Lễ cũ	0,2					0,2	Thôn Cao Thắng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Bàu, thôn Cao Thắng, xã Sơn Lễ cũ	0,5	0,47				0,03	Thôn Cao Thắng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Chợ Chùa, xã Sơn Tiến	1,0	1,0					Thôn Trung Tiến	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn Trung Mỹ, xã Sơn Tiến	0,3	0,3			0,00		Thôn Trung Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Xây dựng khu dân cư nông thôn thôn Đông Mỹ, xã Sơn Tiến	3,0	3,0					Thôn Đông Mỹ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Đất ở tại vị trí nhà văn hóa thôn Cao Thắng, xóm 7 cũ	0,03					0,03	Thôn Cao Thắng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
8	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Cồn Khẩu, thôn Đức Vừ	1,20					1,20	Thôn Đức Vừ	
9	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Trạm Hèo 1, thôn Tây Nam	0,80	0,01				0,79	Thôn Tây Nam	
10	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Trạm Hèo 2, thôn Tây Nam	0,52					0,52	Thôn Tây Nam	
11	Xây dựng Khu dân cư vùng Đập Toi thôn Đức Vừ	0,85					0,85	Thôn Đức Vừ	
12	Xây dựng khu dân cư nông thôn thôn Khe Cò	1,00	0,20				0,80	Thôn Khe Cò	
13	Xây dựng khu dân cư vùng nông thôn Rộc Cầu thôn Đại Thịnh,	0,20					0,20	Thôn Đại Thịnh	
14	Xây dựng khu dân cư nông thôn Vùng Đại Gan, thôn Ngọc Sơn	0,50					0,50	Thôn Ngọc Sơn	
15	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Đường Quán, thôn Hưng Thịnh	1,45					1,45	Thôn Hưng Thịnh	
16	Xây dựng khu dân cư An Hòa Thịnh	13,20	9,50				3,70	Thôn Giếng Thị, Bình Hòa	
V	Đất bãi thải	2,00				2,00			
1	Xây dựng bãi xử lý rác thải tập trung	2,00				2,00		Thôn Sơn Thủy	
VI	Đất giao thông	12,9	3,60				9,30		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
1	Đường kết nối các xã sau sáp nhập và ứng cứu lũ xã Sơn Tiến	7,2	2,1				5,1	Thôn Thịnh Tiến, Ngọc Sơn, Trùà,	
2	Đường trục chính từ ngã ba thôn Trùà đi Quốc lộ 8C	2,3	0,6				1,7	Thôn Trùà, Cùà Quán, Đông Hà, Trung Mỹ, Đông Vực	
3	Đường trục chính xã từ thôn Ngọc Sơn đi đường Hồ Chí Minh	3,4	0,9				2,5	Thôn Ngọc Sơn, Thịnh Tiến, Hòa Tiến	
VII	Đất thủy lợi	4,0	1,8				2,2		
1	Hệ thống tiêu thoát nước hai bên Hói động	4,0	1,8				2,2	Thôn Cao Thắng, Ngọc Sơn	
24	Tổng: 24 danh mục	53,55	20,08			2,00	31,47		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 35. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KIM HOA

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,20	0,15				0,05		
1	Mở rộng khuôn viên trụ sở UBND xã Kim Hoa	0,20	0,15				0,05	Thôn 3	
II	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,70	0,60				0,10		
1	Mở rộng khuôn viên trường Tiểu học Kim Hoa	0,20	0,20					Thôn 3	
2	Mở rộng khuôn viên trường Mần mon	0,30	0,30					Thôn 3	
3	Mở rộng trường THCS Phan Đình Phùng	0,20	0,10				0,10	Mai Lĩnh	
III	Đất giao thông	12,0	6,1			1,9	3,9		
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối các xã sau sáp nhập (Kim sơn đến đường HCM)	1,05	0,4			0,14	0,51	Cao Trà, Thôn 3	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Quy hoạch đường giao thông trục chính xã Sơn Hàm, đoạn từ quán ông Đóa đến đập khe Mơ	1,50	0,50			0,50	0,5	Anh Sơn, Tượng Sơn	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
3	Xây dựng đường GT từ thôn 4 đi thôn Bình Sơn	1,40	0,30			0,80	0,3	Thôn 4, Bình Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đường xã Sơn Bình đi Kim Hoa	8,00	4,90			0,50	2,60	Trường Thủy, Hương Thủy, Long Thủy	
IV	Đất thủy lợi	4,69	1,00				3,69		
1	Xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ Hói Nằm	3,80	1,00				2,80	Châu Lâm, Am Thủy, Kim Thủy	
2	Nâng cấp, sửa chữa đập Bãi Sậy, xã Sơn Trường	0,39					0,39	Thôn 4, 5	
3	Nâng cấp, sửa chữa đập Liên Hoàn, hồ Miếu Thờ, xã Kim Hoa	0,50					0,50	Trường Thủy, Hương Thủy	
V	Đất công trình năng lượng	0,98	0,77		0,09		0,12		
1	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 377 E18.7 Hương Sơn và ĐZ 372 E18.2 Đức Thọ để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,05	0,030				0,015	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,02	0,010				0,010	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,010				0,010	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
4	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn huyện Hương Sơn - tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,19	0,120				0,070	Các thôn trên địa bàn xã	
5	Dự án CQT lưới điện	0,70	0,600		0,09		0,010	Kim Hoa	
VI	Đất ở tại nông thôn	3,63	1,90				1,73		
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn đồng Cửa Thần, thôn Am Thủy, xã Kim Hoa	0,90	0,90					Am Thủy	
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn (Trường mầm non cũ, thôn Hoa Sơn), trường Tiểu học điểm lẻ thôn Long Thủy, xã Kim Hoa	0,12					0,12	Hoa Sơn, Long Thủy	
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng chợ Đình, thôn Am Thủy, xã Kim Hoa	1,00	1,00					Am Thủy	
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn 1, xã Sơn Trường	1,05					1,05	Thôn 1	
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn 2, xã Sơn Trường	0,56					0,56	Thôn 2	
21	Tổng: 21 danh mục	22,15	10,52		0,09	1,94	9,60		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 36. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ TỨ MỸ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	5,00				5,00			
1	Mỏ đất san lấp	5,00				5,00		Thôn 1	
II	Đất xây dựng cơ sở Giáo dục và đào tạo	0,40	0,40						
1	Mở rộng trường THCS Hồ Tùng Mậu	0,40	0,40					Thôn 2	
III	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	0,04	0,04						
1	Mở rộng Sân thể thao trung tâm xã Sơn Châu	0,04	0,04					Thôn Yên Thịnh	
IV	Đất giao thông	10,16	4,22				5,94		
1	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Bình	2,00	1,00				1,00	Thôn 1, 2, 3	
2	Đường giao thông nội đồng Đồng Dung	0,25	0,20				0,05	Thôn Nam Đoài, thôn Đông	
3	Đường GTNT sau chợ đi xã Sơn Bình cũ	0,22	0,22					Thôn Sinh Cờ, thôn 1	
4	Mở rộng, nâng cấp đường Tân Hồ Tân Thắng	0,80					0,80	Thôn Tân Hồ, Tân Thắng	
5	Nâng cấp mở rộng Cầu Hói Hiến	0,30	0,30					Thôn 4	
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Châu - Bình	1,84					1,84	Thôn Nam Đoài, thôn 3	
7	Đường giao thông thôn Thấp Sơn đi thôn 1	0,70	0,20				0,50	Thôn Thấp Sơn, Thôn 1	
8	Đường giao thông Liên xã Thấp Sơn đi Sơn Bình (ông Viên đến Sơn Bình)	0,30	0,30					Thôn Thấp Sơn, Thôn 1	
9	Đường trục xã Tân Mỹ Hà	1,25					1,25	Thôn Tây Hà, Hồng Hà, Nam Hà, Đông Hà	
10	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, xã Sơn Long	2,50	2,00				0,50	Thôn 1, 2, 3	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
V	Đất thủy lợi	13,88	1,50				12,38		
1	Kè chống sạt lở bờ sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố	2,50					2,50	Thôn Bãi Trạm	
2	Hệ thống tiêu thoát lũ vùng 1	6,00	1,50				4,50	Thôn 2, thôn 4	
3	Mở rộng, tu sửa, nâng cấp đê Tân Long	5,38					5,38	Thôn 1, Tân Thủy, Tân Hồ, Tân Thắng, Tân Tiến, Trung Thượng, Mỹ Yên, Hồng Mỹ	
VI	Đất công trình năng lượng	3,86	2,59			1,27			
1	Phương án hướng tuyến DZ 500kV Vũng Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2.	3,19	1,92			1,27		Thôn 2, thôn 1, Thuần Mỹ, Hồng Mỹ, Phú Mỹ, Tân Thủy, Tân Thắng, Tân Hồ, Tân Tiến	
2	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,017					Thôn 1, Bãi Trạm, Sinh Cờ	
3	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,01	0,011					Thôn Đông Hà, Năm Hà, Hồng Hà	
4	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa ĐZ 377 E18.7 Hương Sơn và ĐZ 372 E18.2 Đức Thọ để nâng cao độ tin cậy cung cấp điện	0,05	0,045					Thôn Sinh Cờ, Bãi Trạm, Tân Thủy	
5	Dự án Chống quá tải lưới điện	0,60	0,600					Thôn 1, Sinh Cờ, Tây Hà, thôn 2	
VII	Đất chợ	2,77	1,43				1,34		
1	Mở rộng chợ Nầm, xã Sơn Châu	1,51	1,43				0,08	Thôn Sinh Cờ	
2	Mở rộng chợ Mỹ, xã Sơn Trà	1,26					1,26	Thôn 1	
VIII	Đất di tích, lịch sử văn hoá	0,65					0,65		
1	Mở rộng Đền Trúc	0,30					0,30	Thôn Tân Hồ	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Mở rộng khu di tích đền Cả, xã Sơn Trà	0,35					0,35	Thôn 5	
IX	Đất ở tại nông thôn	15,69	10,16				5,53		
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại xứ đồng Cửa Ông, Chào Mừng, Bồng Tròn Trên, xã Sơn Bình	3,20	3,20					Thôn 6	
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn vị trí đồng Lòi Pheo, thôn Đông, xã Sơn Châu	1,40	1,30				0,10	Thôn Đông	
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Đình, xã Sơn Châu	1,36	0,21				1,15	Thôn Đình	
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn vùng Kho (thôn Tân Thắng), xã Tân Mỹ Hà cũ	0,13	0,00				0,13	Thôn Tân Thắng	
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại đồng Đập Diềm, xã Tân Mỹ Hà cũ	1,00	1,00					Thôn Nam Hà	
6	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại đồng Trang, xã Tân Mỹ Hà cũ	1,32	1,10				0,22	Thôn Trung Thượng, Phú Mỹ	
7	Xây dựng khu dân cư nông thôn (Ruộng Gôm, Đồng Choi), xã Tân Mỹ Hà cũ	0,35	0,35					Thôn Tây Hà	
8	Xây dựng khu dân cư nông thôn (vùng Nương Chiềng), xã Tân Mỹ Hà cũ	0,50					0,50	Thôn Tân Hồ	
9	Xây dựng khu dân cư nông thôn đồng Nảy, Nảy Che Ve thôn Tân Thắng, xã Tân Mỹ Hà cũ	0,78	0,75				0,03	Thôn Tân Thắng	
10	Giao đất, đấu giá đất khu vực Bàu Đăng, đồng Ngãi	2,75	2,05				0,70	Thôn 4	
11	Khu tái định cư Dự án Nâng cấp tuyến đường huyện H63 (Châu Bình - Kim Hoa)	0,20	0,20					Thôn 6	
12	Thu hồi các cơ sở nhà đất của cơ quan, đơn vị dôi dư, sau sáp nhập thôn, xã	2,70					2,7	Các thôn trên địa bàn xã	
37	Tổng: 37 danh mục	52,45	20,34			6,27	25,84		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 37. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ NGHI XUÂN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	11,00	3,00		5,00		3,00		
1	Đường tránh lũ Hồng - Lĩnh	6,00			5,00		1,00	Thôn Xuân Hồng 4,5	
2	Đường giao thông cấp xã còn lại	5,00	3,00				2,00	Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	9,00	3,00				6,00		
1	Xây dựng trường lái và cơ sở đào tạo nghề	9,00	3,00				6,00	Thôn Xuân Lĩnh 4,5	
III	Đất công trình năng lượng	0,05	0,02				0,03		
1	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn xã Nghi Xuân	0,03					0,03	Các thôn thuộc xã Xuân Hồng cũ	
2	Xây dựng cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực Nghi Xuân Hà Tĩnh năm 2026	0,02	0,02					Các thôn thuộc thị trấn Xuân An cũ	
IV	Đất chợ	0,91					0,91		
1	Mở rộng chợ thị trấn Xuân An	0,11					0,11	Thôn Xuân An 3,4	
2	Xây dựng chợ Xuân Hồng	0,80					0,80	Thôn Xuân Hồng 1,2,3	
V	Đất ở tại nông thôn	23,60	0,50				23,10		
1	Khu đô thị sinh thái, du lịch, vui chơi giải trí Đảo Xuân Giang 2 và vùng ven Sông Lam (từ thị trấn Xuân An đến xã Xuân Giang)	22,00					22,00	Thôn Hồng Lam, thôn Xuân An 1-12	
2	Hạ tầng đất ở thôn Hồng Khánh	1,60	0,50				1,10	Thôn Hồng Khánh	
VI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	15,00	5,00				10,00		
1	Xây dựng nghĩa địa Chùa Mí	15,00	5,00				10,00	Thôn Phúc Tuy	
10	Tổng: 10 danh mục	59,56	11,52		5,00		43,04		

PHỤ LỤC 38. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HẢI ĐẠN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	2,24					2,24		
1	Xây dựng cầu và đường giao thông	1,24					1,24	Các thôn tại xã Xuân Phổ (Cũ)	
2	Xây dựng kênh mương thuỷ lợi nội đồng, mương thoát nước trong các khu dân cư	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất ở nông thôn	68,12	2,58				65,54		
1	Khu dân cư nông thôn mới thôn Trung Vân	3,12	1,46				1,66	Thôn Trung Vân	
2	Khu đô thị sinh thái Đan Trường - Xuân Phổ	50,00					50,00	Các thôn: Ninh Hòa, Phúc An, Bình Phúc, Lương Ninh, Thanh Văn Hải	
3	Đất ở khu dân cư thôn Đông Biên	1,20					1,20	Thôn Đông Biên	
4	Đất ở thôn khu dân cư Kiều Thắng Lợi (2 vùng)	1,80					1,80	Thôn Kiều Thắng Lợi	
5	Đất ở các thôn Lộc Hạnh, Trường Quý, Trường Thanh, Lĩnh Thành, Song Giang, Trường Tịnh, Thắng Lợi, Trường Thành, Trường Hải, Trường Châu, Trường Hoa, Trường Vịnh, Trường Hải, Bình Phúc; trường Mầm Non, nhà văn hoá thôn cũ	2,00	0,28				1,72	Các thôn: Lộc Hạnh, Quý Du Châu, Thanh Văn Hải, Song Giang, Lĩnh Thành, Long Thủy, Tỉnh Phú Hoa, Bình Phúc, Hợp Phúc	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
6	Đất ở thôn Hội Tiến, hội quán thôn Hội Long (cũ), đất ở vùng đồng Kỳ Lừa thôn Hội Thành, đất ở Đồng Ông Quân thôn Hội Thủy, đất ở vùng dân cư thôn Hội Thủy	0,58					0,58	Các thôn: Hội Thành, An Toàn Long, Hội Thủy, Hội Tiến	
7	Đất ở thôn Hội Thành	2,23					2,23	Thôn Hội Thành	
8	Đất ở thôn Hợp Thuận (3 vùng)	1,44	0,84				0,60	Thôn Hợp Thuận	
9	Đất ở thôn thôn Ninh Hoà	2,76					2,76	Thôn Ninh Hoà	
10	Đất ở các thôn Hợp Thuận, Kiều Văn, Trường An, Phúc An, Hợp Thuận, Thống Nhất và đất ở lấy trên đất các nhà văn hoá cũ	1,99					1,99	Các thôn: Hợp Thuận, Kiều Văn, Trường An, Phúc An, Hợp Thuận, Thống Nhất	
11	Xen dăm đất ở khu dân cư các thôn	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
13	Tổng: 13 danh mục	70,36	2,58				67,78		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 39. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ TIỀN ĐIỀN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	2,00					2,00		
1	Đường giao thông nông thôn toàn xã	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Đường giao thôn nội đồng toàn xã	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất cụm công nghiệp	25,00	15,00				10,00		
1	Cụm công nghiệp Xuân Mỹ	25,00	15,00				10,00	Thôn Hồng Mỹ	
III	Đất ở nông thôn	5,20					5,20		
1	Đất ở thôn Yên Thông	2,00					2,00	Thôn Yên Thông	
2	Đất ở thôn Thịnh Mỹ, Quang Mỹ, Hồng Mỹ	2,00					2,00	Thôn Thịnh Mỹ, Quang Mỹ, Hồng Mỹ	
3	Xen dăm dân cư các thôn Minh Hòa, Thành Long, Hương Hòa	1,20					1,20	Thôn Minh Hòa, Thành Long, Hương Hòa	
6	Tổng: 06 danh mục	32,20	15,00				17,20		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 40. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CỐ ĐẠM**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	12,77	2,60				10,17		
1	Đất ở Cường Thịnh	0,87					0,87	Thôn Cường Thịnh	
2	Xen dăm đất ở dân cư toàn xã	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Đất ở thôn Song Long phía Nam trường Mầm non	2,30					2,30	Thôn Song Long	
4	Đất ở nhà máy gạch cũ	3,40					3,40	Thôn Kỳ Tây	
5	Đất dân cư mới thôn Bắc Sơn	1,60					1,60	Thôn Bắc Sơn	
6	Đất ở thôn Kẻ Lát	1,00					1,00	Thôn Kẻ Lát	
7	Dự án phát triển nhà ở xã hội	2,60	2,60					Thôn Kỳ Tây	
II	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2,00	2,00						
1	Mở rộng Trụ sở UBND xã	2,00	2,00					Thôn Lâm Vượng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất giao thông	6,00					6,00		
1	Đường giao thông nông thôn xã	6,00					6,00	Các thôn trên địa bàn xã	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
IV	Đất thủy lợi	55,55					55,55		
1	Thoát lũ rào Mỹ Dương gắn với phát triển vùng kinh tế ven chân núi Hồng Lĩnh	55,55					55,55	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất tín ngưỡng	5,40					5,40		
1	Mở rộng đền Trần Hưng Đạo	3,80					3,80	Thôn Bắc Tây Nam	
2	Mở rộng Đền Am	1,60					1,60	Thôn Cường Thịnh	
12	Tổng: 12 danh mục	81,72	4,60				77,12		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 41. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG KHÊ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	10,86	4,80			0,89	5,17		
1	Đất ở nông thôn (từ các nhà văn hoá cũ)	1,00					1,00	Thôn 1, 5, 10 xã Hương Long cũ; Thôn Hoà Nhượng, Trung Hà, Trường Sơn xã Phú Gia; Tổ dân phố 6, 7, 12 thị trấn Hương Khê cũ	
2	Đất ở nông thôn	3,96	0,66				3,30	Thôn 1, 2, 4, 5 xã Phú Phong cũ	
3	Đất ở nông thôn	1,61	1,34				0,27	Thôn Phú Bình, Hoà Nhượng, Quang Lộc xã Phú Gia cũ	
4	Đất ở nông thôn	2,90	2,50				0,40	Thôn 1, 4, 6, 8, 10 xã Hương Long cũ	
5	Đất ở nông thôn	1,39	0,30			0,89	0,20	Tổ dân phố 12, thị trấn Hương Khê cũ	
5	Tổng: 05 danh mục	10,86	4,80			0,89	5,17		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 42. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG XUÂN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	7,15	0,11		3,84	3,15	0,05		
1	Dự án đường dây 500kV ĐG Cha lo-TBA 500kV Hà Tĩnh	6,99			3,84	3,15		Thôn Tòa Sen	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng cả tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh năm 2024	0,04	0,03				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Cải tạo, nâng cấp lưới điện 10kV lên vận hành 22kV, 35kV, trục chính và các nhánh rẽ vị trí 971, 973 E18.8 huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	0,06	0,04				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Cải tạo, nâng cấp lưới điện 10kV lên vận hành 35kV, trục chính và các nhánh rẽ từ vị trí 62 đến 174 ĐZ973 E18.8 huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	0,06	0,04				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Tổng: 04 danh mục	7,15	0,11		3,84	3,15	0,05		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 43. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	0,03	0,02				0,01		
1	Xây dựng cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,03	0,02				0,01	Thôn 1(Hòa Hải cũ), thôn 2(Hòa Hải cũ), thôn Bình Minh, Bình Hà, Bình Hải, thôn 4 Phúc Đồng cũ	
II	Đất giao thông	6,07	1,00				5,07		
1	Đường giao thông từ huyện lộ 1 đến đường BH 05 đoạn qua xã Hương bình huyện Hương Khê	5,00	1,00				4,00	Thôn Bình Hải, Bình Minh, Bình Hà, Bình Thái	
2	Đường huyện lộ ĐH 10	1,07					1,07	Thôn3, 4,5,6,7,8 (hòa Hải cũ)	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất thủy lợi	6,00					6,00		
1	Dự án Kè chống sạt lở sông Rào Nổ đoạn qua xã Hòa Hải cũ	5,00					5,00	Thôn 8, 10 (Phúc Đồng cũ)	
2	Nâng cấp, nạo vét, đắp thân đập Dâng, đập Khe Cáo	1,00					1,00	Thôn 11 (Phúc Đồng cũ)	
5	Tổng: 05 danh mục	12,10	1,02				11,08		

**PHỤ LỤC 44. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình cấp nước, thoát nước	0,03					0,03		
1	Nhà máy nước sạch	0,03					0,03	Thôn Tân Sơn	
II	Đất giao thông	15,68	2,00			3,08	10,60		
1	Đất làm cầu khe MaKa	0,20					0,20	Thôn Đông Thịnh	
2	Đường giao thông tránh lũ kết hợp vào khu xử lý chất thải rắn của huyện Hương Khê	0,18				0,18		Thôn Thạch Trung	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đường khe Nác vào trang trại	1,60				0,90	0,70	Thôn Thạch Thượng	
4	Ngã tư ngõ ông Việt đi đường vượt lũ Hà Linh-Phúc Trạch	2,50	2,00				0,50	Thôn Đông Thịnh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Từ Ngã ba Tường Mai đi Đập Chà Chạm	4,00				0,50	3,50	Thôn Đông Thịnh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào Cụm công nghiệp Gia Phố (Giai đoạn 1)	1,00				0,50	0,50	Thôn Phố Hương	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
7	Tuyến Đường từ đường huyện lộ 6 Cầu Thợ Phụng thôn Phố Cường đi qua thôn 1, thôn 2 xã Hương Thủy cũ đến ngã ba Điện Lạnh Phan Đức	2,00				0,50	1,50	Thôn Thạch Thượng và Thạch Trung	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Mở rộng đường LX08 từ cầu Treo xã Gia Phố cũ đến đường sắt (thôn Thạch Thượng)	1,70					1,70	Thôn Nhân Phố, Tân Phố, Phố Cường	
9	Mở rộng đường từ nhà ông Chuyên thôn Phố Hương đến trường dạy nghề	2,50				0,50	2,00	Thôn Phố Hương	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại QĐ số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh
III	Đất thủy lợi	10,30					10,30		
1	Kè sạt lở sông Ngàn Sâu, đoạn từ vườn ông Nguyễn Trọng Kỷ đến vườn ông Phan Văn Dũng, thôn Thượng Hải	5,50					5,50	Thôn Thượng Hải	
2	Kè bờ Sông Thôn Chu Lễ, xã Gia Phố, đoạn qua trụ sở công an và các nhà dân	4,80					4,80	Thôn Chu Lễ	
IV	Đất công trình năng lượng	1,92				1,78	0,14		
1	Chống quá tải lưới điện huyện Hương Khê, huyện Vũ Quang - tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,09					0,09	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Chống quá tải lưới điện huyện Thạch Hà, huyện Hương Khê và TP Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh	0,02					0,02	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Cải tạo, nâng cấp lưới điện 10kV lên vận hành 22kV trục chính và các nhánh rẽ ĐZ 971, 973E18.8, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	0,03					0,03	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
4	Đường dây 500kv Vũng Ánh- Trạm cắt Hoà Bình 2	1,78				1,78		Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất cơ sở văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	0,07					0,07		
1	Mở rộng nhà thờ họ Võ	0,07					0,07	Thôn 3	
VI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	35,00					35,00		
1	Nghĩa trang Huyện	35,00					35,00	Thôn Tân Sơn	
VII	Đất xây dựng chợ dân sinh, chợ đầu mối	1,25					1,25		
1	Mở rộng chợ Sông	0,35					0,35	Thôn Chu Lễ	
2	Đất chợ	0,90					0,90	Thôn Phố Cường	
VIII	Đất ở tại nông thôn	4,55	1,70				2,85		
1	Đất ở nông thôn (từ các nhà văn hoá cũ)	0,10					0,10	Thôn Đông Thịnh, Thượng Hải	
2	Đất ở nông thôn	1,70	0,70				1,00	Thôn Nhân Phố	
3	Đất ở nông thôn	2,72	1,00				1,72	Từ cầu qua sông đến nhà thờ họ Võ, thôn 3 (xã Hương Giang cũ)	
4	Đất ở nông thôn	0,03					0,03	Thôn Chu Lễ	
IX	Đất tín ngưỡng	5,27				5,00	0,27		
1	Mở rộng Đền Trạng	5,27				5,00	0,27	Thôn Tân Sơn	
25	Tổng: 25 danh mục	74,07	3,70			9,86	60,51		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 45. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ PHÚC TRẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất xây dựng công trình năng lượng	1,65				1,55	0,10		
1	Xây dựng đường dây 500kV ĐG Cha Lo - TBA500kV Hà Tĩnh	1,65				1,55	0,10	Thôn 10	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất xây dựng công trình cấp nước	1,31				1,10	0,21		
1	Nhà máy nước	1,31				1,10	0,21	Thôn Bắc Lĩnh, thôn 11	
2	Tổng: 02 danh mục	2,96				2,65	0,31		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 46. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HƯƠNG ĐỒ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	35,10	3,30		2,80		29,00		
1	Dự án đường tỉnh ĐT.553 từ ngã 3 Thình Thình - Trại Nại đoạn qua huyện Hương Khê (Km7+00 - Km28+300)	18,20	1,40		1,60		15,20	Thôn Trung Sơn, Xã Lộc Yên cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Dự án đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Trại Nại - Đường Hồ Chí Minh (Km28+500 - Km37+300), huyện Hương Khê	8,34	1,90		1,20		5,24	Thôn Thái Yên, Xã Lộc Yên cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT 553 đoạn từ Lộc Yên-Hồ Chí Minh (Km39+30 - Km47+830)	0,50					0,50	Thôn Thái Yên, Xã Hương Trà cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đường huyện lộ 13 (ĐH 88) (Thôn Hương Đồng)	1,00					1,00	Thôn Hương Đồng, Xã Lộc Yên cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đường giao thông vào vùng kinh tế đặc nước Đò, tiểu khu 226	7,00					7,00	Thôn Yên Bình, Xã Lộc Yên cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
6	Đường trục thôn TT02 từ đường Hồ Chí Minh đến cửa anh Châu Hà	0,06					0,06	Thôn Tân Trà, Xã Hương Trà cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	7,11	0,24		3,30	2,53	1,04		Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
1	Dự án Đường dây 500Kv Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	1,21				1,21		Thôn 9	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp và TBA khu vực huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh năm 2024.	0,04	0,03				0,01	Các thôn trên địa bàn toàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Dự án Đường dây 500Kv ĐG Cha Lo - TBA 500kV Hà Tĩnh.	5,86	0,21		3,30	1,32	1,03	Các thôn trên địa bàn toàn xã Hương Đô cũ, Hương Trà cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất ở tại nông thôn	6,64		3,99			2,65		
1	Đất ở nông thôn	1,70					1,70	Thôn 5, 7	
2	Đất ở nông thôn	0,15					0,15	Thôn Đông Trà	
3	Đất ở nông thôn (lấy trên đất trường tiểu học Hương Lộc)	0,50					0,50	Thôn Hương Thượng, Xã Lộc Yên cũ	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
4	Đất ở nông thôn	0,30					0,30	Thôn Trung Thượng, Tân Đình, Đồng Giang, Yên Bình, xã Lộc Yên cũ	
5	Đất ở nông thôn	0,80		0,80				Thôn Trường Sơn	
6	Đất ở nông thôn	0,40		0,40				Thôn Trung Sơn	
7	Đất ở nông thôn	0,69		0,7				Thôn Hương Thượng, xã Lộc Yên cũ	
8	Đất ở nông thôn	2,10		2,10				Thôn Hương Giang, xã Lộc Yên cũ	
IV	Đất bưu chính, viễn thông	0,46					0,46		
1	Xây dựng trạm BTS mạng di động VINAPHONE	0,46					0,46	Thôn 4, Xã Hương Đô cũ	
18	Tổng: 18 danh mục	49,31	3,54	3,99	6,10		33,15		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 47. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HÀ LINH

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	19,80	3,70			2,40	13,70		
1	Nâng cấp mở rộng đường liên xã Hà Linh (xóm 5) - xã Đồng Lộc	12,30	3,30				9,00	Thôn 5, 7, 8, Thượng Sơn, Trung Thành, xã Diên Mỹ cũ và xã Hà Linh cũ	
2	Đường giao thông tuyến xóm 5 đến đường Hồ Chí Minh, thôn Nam Trung	2,40				1,80	0,60	Thôn Nam Hà, Nam Trung, xã Hà Linh cũ	
3	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Hạ- xã Hà Linh	0,70					0,70	Thôn Tân Hạ, xã Diên Mỹ cũ	
4	Công trình đường giao thông nông thôn thôn 8, xã Hà Linh	1,80	0,40				1,40	Thôn 7, 8, xã Hà Linh cũ	
5	Công trình đường giao thông nông thôn thôn 6, xã Hà Linh	1,10				0,60	0,50	Thôn 6, xã Hà Linh cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đường giao thông nông thôn từ cầu cây Khế - Sân vận động thôn 6	0,70					0,70	Thôn 6, xã Hà Linh cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
7	Công trình đường giao thông nông thôn TX03, xã Điện Mỹ	0,80					0,80	Thôn 1, 3, xã Điện Mỹ cũ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất ở tại nông thôn	17,26	1,80			13,00	2,46		
1	Đất ở nông thôn phía Tây Bắc đường LX7	1,19					1,19	Phía Tây Bắc đường LX7, xã Điện Mỹ cũ	
2	Đất ở nông thôn thôn Thượng Sơn cũ	0,13					0,13	Thôn Thượng Sơn cũ, xã Điện Mỹ cũ	
3	Đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn Thượng Sơn cũ)	0,08					0,08	Thôn Thượng Sơn cũ, xã Điện Mỹ cũ	
4	đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn Ấp Tiến cũ)	0,10					0,10	Thôn Ấp Tiến cũ, xã Điện Mỹ cũ	
5	Đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn Tân Thành cũ)	0,06					0,06	Thôn Tân Thành cũ, xã Điện Mỹ cũ	
6	Đất ở nông thôn khu dân cư tránh lũ	13,00				13,00		Thôn 2, thôn Nam Hà, xã Điện Mỹ cũ	
7	Đất ở nông thôn (nhà văn hoá thôn 3 cũ)	0,05					0,05	Thôn 3 cũ, xã Điện Mỹ cũ	
8	Đất ở thôn 8	0,24					0,24	Thôn 8, xã Hà Linh cũ	
9	Đất ở nông thôn (từ các nhà văn hoá không còn sử dụng)	0,45					0,45	Thôn 2, 3, 4, 6, 8, 12, xã Hà Linh cũ	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
10	Đất ở nông thôn xóm 8, xã Hà Linh	0,16					0,16	Thôn 8, xã Hà Linh cũ	
11	Đất ở Thôn Nam Trung	1,80	1,80					Thôn Nam Trung, xã Điền Mỹ cũ	
III	Đất thủy lợi	6,82					6,82		
1	Nâng cấp đập Khe Cọi	0,20					0,20	Thôn 4, xã Hà Linh cũ	
2	Kênh Đá Hàn 1, 2 , 3	6,62					6,62	Thôn 1, 3 xã Điền Mỹ cũ	
IV	Đất công trình năng lượng	6,01				6,00	0,01		
1	Chống quá tải lưới điện huyện Hương Khê, huyện Vũ Quang - tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,01					0,01	Các thôn trên địa bàn toàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Dự án đường dây 500KV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2, đoạn qua địa phận Hà Tĩnh	6,00				6,00		Các thôn trên địa bàn toàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
22	Tổng: 22 danh mục	49,89	5,50			21,40	22,99		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 48. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ ANH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất quốc phòng	8,00	8,00						
1	Trụ sở Ban Phòng thủ khu vực 3	8,00	8,00					Thôn Hưng Phú	
II	Đất giao thông	26,10	14,50			3,40	8,20		
1	Đường trục chính vào trung tâm đô thị Kỳ Đồng (giai đoạn 2)	19,70	10,00			2,00	7,70	Thôn Phú Thượng	
2	Đường chiến lược phát triển du lịch biển xã Kỳ Anh (ĐCL1)	5,40	4,00			1,40		Các thôn: Phú Long, Phú Sơn	
3	Đường gom QL1 đoạn qua CCN Đồng - Khang	1,00	0,50				0,50	Thôn Đồng Trụ Đông	
III	Đất công trình năng lượng	7,74	0,01			6,42	1,31		
1	Nhà máy Điện gió Kỳ Anh	5,50				4,50	1,00	Thôn Phú Lợi	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh năm 2025	0,01	0,01					Toàn xã	
3	Dự án Đường dây 500Kv Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2,23				1,92	0,31	Toàn xã	
IV	Đất bãi thải, xử lý chất thải	4,00				2,00	2,00		
1	Xây dựng các điểm tập lưu chứa chất thải xây dựng, điểm trung chuyển	4,00				2,00	2,00	Các thôn: Đồng Phú, Minh Tiến, Phú Thượng	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
V	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	3,50				3,50			
1	Nghĩa trang phục vụ GPMB đường sắt tốc độ cao	3,50				3,50		Các thôn: Tân An, Minh Tiến	
9	Tổng: 09 danh mục	49,34	22,51			15,32	11,51		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 49. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỶ VĂN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	12,15					12,2		
1	Tuyến đường từ Quốc lộ 1 vào trung tâm xã Kỳ Trung (nay là xã Kỳ Văn), tỉnh Hà Tĩnh	12,15					12,15	Thôn Trung Sơn	
II	Đất công trình năng lượng	5,14			1,03	2,16	1,95		
1	Dự án đường dây 500KV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2, đoạn qua địa phận Hà Tĩnh	5,14			1,03	2,16	1,95	Các thôn: Trung Sơn, Đất Đỏ và Đông Xuân	
III	Đất ở	8,00	2,30				5,70		
1	Khu dân cư Nam Mỹ Lợi	4,00	2,30				1,70	Thôn Nam Mỹ Lợi	
2	Khu dân cư Ngã ba đường Đồng Trung giáp nhà anh Sơn Giang	4,00					4,00	Thôn Đất Đỏ	
IV	Đất nghĩa trang	0,50					0,50		
1	Nghĩa trang Đất Đỏ phục vụ dự án đường sắt tốc độ cao	0,50					0,50	Thôn Đất Đỏ	
5	Tổng: 05 danh mục	25,79	2,30	0,00	1,03	2,16	20,30		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 50. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ LẠC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	2,15	0,01			2,14			
1	Xây dựng đường dây 500kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2,13				2,13		Các thôn trên địa bàn xã	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,01	0,01					Các thôn trên địa bàn xã	
3	Xây dựng hệ thống đường điện trung thế 35kV thuộc Dự án xây dựng nhà máy nước sinh hoạt Khe Sung, huyện Kỳ Anh (giai đoạn 1)	0,01				0,01		Thôn Trung Hà	
II	Đất cụm công nghiệp	30,00	0,69			11,30	18,01		
1	Dự án cụm công nghiệp Lâm Hợp	30,00	0,69			11,30	18,01	Thôn Minh Châu	
4	Tổng: 04 danh mục	32,15	0,70			13,44	18,01		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 51. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ KHANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao Thông	11,17	2,00		0,05		9,12		
1	Đường liên xã Khang - Thọ (cũ)	4,30	2,00				2,30	Các Thôn Phú Thượng, Tân Thọ	
2	Đê ngăn lũ nổi từ đê Kỳ Thọ đến đường Thọ - Ninh	4,20			0,05		4,15	Thôn Sơn Nam	
3	Phòng chống sa mạc hóa vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh, Bắc Trung Bộ, Việt Nam	0,75					0,75	Thôn Trung Tân, Trung Tiến	
4	Nâng cấp mở rộng đường liên xã Kỳ Khang - Kỳ Văn (đường huyện ĐH.91 Thọ - Trung cũ)	1,92					1,92	Thôn Trường Thanh	
II	Đất thủy lợi	0,92	0,05				0,87		
1	Hệ thống thoát lũ khu dân cư Thôn Trung Tân	0,02					0,02	Thôn Trung Tân	
2	Hệ thống thoát lũ khu dân cư Vĩnh Thọ và khu nuôi trồng thủy sản Đập Lội, xã Kỳ Khang	0,80					0,80	Thôn Vĩnh Thọ	
3	Kênh thủy lợi N2-3, xã Kỳ Khang, tỉnh Hà Tĩnh	0,10	0,05				0,05	Thôn Tân Thọ, Sơn Bắc, Sơn Tây, Vĩnh Thọ, Sơn Nam	
III	Đất ở nông Thôn	8,20	5,90				2,30		
1	Khu dân cư Đồng Bàu, Cồn Đình, Thôn Vĩnh Thọ, xã Kỳ Khang	4,70	4,70					Thôn Vĩnh Thọ	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Đất ở vùng Cồn Sim	0,50	0,40				0,10	Thôn Trung Giang	
3	Đất ở vùng Cựa Mụ	3,00	0,80				2,20	Thôn Đan Trung	
10	Tổng: 10 danh mục	20,29	7,95		0,05		12,29		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 52. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ XUÂN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	4,49	1,20				3,29		
1	Dự án mở rộng đường vào trung tâm Ủy ban nhân dân xã	0,50					0,50	Thôn Tuần Tượng	
2	Dự án Đường giao thông Từ Trạm Dừng chân Bắc Nam - Thôn Trung Phong	1,96	0,90				1,06	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Đường trục xã Kỳ Phong đoạn từ cầu Kênh đi hồ Nước Xanh	0,50	0,20				0,30	Các thôn trên địa bàn xã	
4	Xây dựng hệ thống đường giao thông nội đồng phục vụ tích tụ, tập trung đất đai trên địa bàn xã	0,10	0,10					Các thôn trên địa bàn xã	
5	Nâng cấp tuyến đường GTNT phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp kết hợp tuần tra bảo vệ rừng ven biển các thôn Trần Phú, Xuân Tiến, Nguyễn Huệ xã Kỳ Xuân, huyện Kỳ Anh	1,43					1,43	Các thôn trên địa bàn xã	
II	Đất thủy lợi	3,80	3,55				0,25		
1	Cải tạo Hồ chứa đập rì rì	3,50	3,50					Thôn Đông Tiến	
2	Dự án Âu Thuyến: Bón trú bão Thuyến cá, kết hợp dịch vụ hậu cần nghề cá	0,25					0,25	Thôn Nguyễn Huệ	
3	Xây dựng hệ thống thủy lợi và kênh, mương dẫn nước nội đồng phục vụ tích tụ, tập trung đất đai trên địa bàn huyện Kỳ Anh	0,05	0,05					Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất ở nông thôn	8,53	8,13				0,40		
1	Đất ở vùng Cựa xạ trên, thôn Tuần Tượng	0,50	0,50					Thôn Tuần Tượng	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Đất ở Vùng Tái định cư Cao tốc Bắc - Nam	0,30	0,20				0,10	Thôn Nam Phong	
3	Đất ở vùng Thặng Lặng, Đá Voi, Đồng cựa trước gia khi	0,50	0,50					Thôn Hòa Bình, Hợp Tiến, Lạc Tiến	
4	Đất ở Vùng Hạ Phòng, thôn Phương Giai	1,93	1,93					Thôn Phương Giai	
5	Đất vùng Vùng Bàu thôn Xuân Thắng	3,50	3,50					Xuân Thắng	
6	Đất ở Vùng Bàu thôn Xuân Tiến	1,50	1,50					Xuân Tiến	
7	Đất ở xen dăm	0,30					0,30	Các thôn trên địa bàn xã	
IV	Đất công trình năng lượng	1,24				1,24			
1	Xây dựng đường dây 500kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	1,24				1,24		Các thôn trên địa bàn xã	
16	Tổng: 16 danh mục	18,06	12,88			1,24	3,94		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 53. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ THƯỢNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất công trình năng lượng	33,70	0,03	0,43	0,24	33,00			
1	Điện lưới trung áp, hạ áp Kỳ Thượng	0,10	0,02	0,03	0,05			Thôn Mỹ Lạc	
2	Điện lưới trung áp, hạ áp Kỳ Thượng	0,30	0,01	0,22	0,07			Thôn Mỹ Thuận	
3	Điện lưới trung áp, hạ áp Kỳ Thượng	0,30		0,18	0,12			Thôn Sơn Bình 2	
4	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn	33,00				33,00		Thôn Mỹ Thuận	
4	Tổng: 04 danh mục	33,70	0,03	0,43	0,24	33,00			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 54. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ KỲ HOA**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất quốc phòng	5,00					5,00		
1	Di dời Trụ sở Tiểu Đoàn 81 (do ảnh hưởng đường sắt tốc độ cao)	5,00					5,00	Thôn Hoa Tiến	
II	Đất giao thông	2,00	0,50				1,50		
1	Đường trục ngang kết nối giữa xã Kỳ Tân và xã Kỳ Hoa(cũ) đến ga đường sắt tốc độ cao (theo hướng tuyến)	2,00	0,50				1,50	Thôn Trường Lạc	
III	Dự án xây dựng cơ sở Văn hóa	0,01					0,01		
1	Mở rộng Di tích lịch sử Văn Miếu Kỳ Anh	0,01					0,01	Thôn Đông Văn	
IV	Đất ở nông thôn	24,06	2,60			0,70	20,76		
1	Tái định cư Cửa Kho phục vụ GPMB đường sắt tốc độ cao	4,60	2,30				2,30	Thôn Trường Lạc	
2	Tái định cư Đập Me phục vụ GPMB đường sắt tốc độ cao	2,30	0,30			0,70	1,30	Thôn Hoa Tiến	
3	Đất ở nông thôn tại Hồ Mạ thôn Trung Thượng, Đồng Gội	1,65					1,65	Thôn Trung Đức, Trung Thượng	
4	Đất ở vùng Hạng 8 giao thông	0,65					0,65	Thôn Tân Thắng	
5	Đất ở Bàu Rộc Rỏi	4,05					4,05	Các thôn: Trung Thượng, Đông Văn	
6	Đất ở tại Cự Kho	0,44					0,44	Thôn Trung Thượng	
7	QH đất ở từ NVH thôn Trung Đức (Trung Mỹ cũ)	0,08					0,08	Thôn Trung Đức	
8	Đất ở	1,86					1,86	Thôn Hoa Trung	
9	Đất ở	0,43					0,43	Thôn Hoa Tân	
10	Đất ở	3,00					3,00	Thôn Hoa Tiến	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
11	Đất ở mới (xen dầm)	5,00					5,00	Thôn Hoà Tân	
V	Đất công trình năng lượng	5,96				3,12	2,84		
1	Dự án đường dây 500KV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2, đoạn qua địa phận Hà Tĩnh	5,96				3,12	2,84	Các thôn: Tấn Sơn, Hoa Tân	
VI	Đất khai thác khoáng sản	23,50				14,00	9,50		
1	Đất khai thác khoáng sản	23,50				14,00	9,50	Thôn Tấn Sơn	
VII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,70	1,00				0,70		
1	Nghĩa trang Trung Đức phục vụ đường sắt tốc độ cao	1,70	1,00				0,70	Thôn Trung Đức	
17	Tổng: 17 danh mục	62,23	4,10			17,82	40,31		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 55. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THẠCH HÀ

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	2,70	2,45				0,25		
1	Đất ở tái định cư đường sắt tốc độ cao	1,90	1,70				0,20	Thôn 14	
2	Đất ở tái định cư đường Sông Cày	0,80	0,75				0,05	Thôn 2	
II	Đất công trình thủy lợi	0,30	0,10				0,20		
1	Kênh mương nội đồng thôn Tri Khê	0,30	0,10				0,20	Thôn Tri Khê	
III	Đất tôn giáo	0,79					0,79		
1	Mở rộng giáo họ Tiến Thủy	0,79					0,79	Thôn Sông Hải	
IV	Đất nghĩa trang	0,90	0,90						
1	Tái định cư Nghĩa trang đường sắt cao tốc	0,90	0,90					Thôn 15	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Tổng: 05 danh mục	4,69	3,45				1,24		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 56. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ TOÀN LƯU

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	8,78	7,94				0,84		
1	Khu tái định cư vùng Đại Liệu, thôn Bến Toàn	2,85	2,52				0,33	Bến Toàn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Khu tái định cư vùng ông Cu, thôn Yên Nghĩa	3,46	3,17				0,29	Yên Nghĩa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Khu tái định cư vùng Mụ Gát, thôn Lộc Ân	2,47	2,25				0,22	Lộc Ân	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất khu công nghiệp	198,66	153,76				44,90		
1	Khu công nghiệp phía Tây thành phố Hà Tĩnh (cũ)	198,66	153,76				44,90	Đồng Vĩnh, Vĩnh Cát, Xuân Sơn	
III	Đất công trình năng lượng	5,28	0,23			5,05			
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện	0,23	0,23					Yên Nghĩa, Bến Toàn, Tân Đình, Vĩnh An	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2.	5,05				5,05		Đồng Vĩnh, Kim Sơn, Xuân Sơn, Khe Giao 1	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất tôn giáo	0,80	0,75				0,05		
1	Nhà thờ giáo họ độc lập Ngụ Đông	0,80	0,75				0,05	Đông Tiến	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Tổng: 07 danh mục	213,52	162,68			5,05	45,79		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 57. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ VIỆT XUYỀN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở	3,50	3,30				0,20		
1	Tái định cư đường sắt cao tốc	3,50	3,30				0,20	Thôn Phúc Lộc	
2	Khu dân cư cụm bà Khiêm	1,10	0,90				0,20	Thôn Ba Giang	
II	Đất công trình năng lượng	0,30	0,20			0,10			
1	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Hà Tĩnh - TBA 110kV Thạch Linh - Hồng Lĩnh	0,30	0,20			0,10		Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất tôn giáo	2,00	1,60				0,40		
1	Mở rộng chùa mật	2,00	1,60				0,40	Thôn Việt Yên	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Tổng: 04 danh mục	5,80	5,10			0,10	0,60		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 58. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ ĐÔNG KINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	9,37	9,03				0,34		
1	Khu tái định cư thôn Hanh, xã Đông Kinh	5,31	4,97				0,34	Thôn Hanh	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Khu Tái định cư thôn Khang, xã Đông Kinh	4,06	4,06					Thôn Khang	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất thủy lợi	41,55	5,61				35,94		
1	Kênh thoát thải Visip	41,55	5,61				35,94	Thôn Phú Quý, Hoà Hợp, Trí Lễ, Trí Nang	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,49	6,49						
1	QH đất nghĩa trang di dời đường sắt cao tốc	4,00	4,00					Thôn Khang	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Mở rộng nghĩa trang Phú Quý	0,78	0,78					Phú Quý	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Mở rộng nghĩa trang nhà Tròn	1,71	1,71					Tri Lễ, Thượng Nguyên	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất công trình năng lượng	0,35	0,23				0,12		
1	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm TTĐN và giảm số lượng khách hàng điện áp thấp trên địa bàn Thành phố Hà Tĩnh, huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,03	0,02				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Đường dây 110kV từ TBA 500kV Hà Tĩnh-TBA 110kV Thạch Linh- Hồng Lĩnh	0,30	0,20				0,10	Các thôn trên địa bàn xã	
9	Tổng: 09 danh mục	57,76	21,36				36,40		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 59. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THẠCH XUÂN

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	7,35	6,40				0,95		
1	Quy hoạch đất ở thôn Tân Thanh, đất ở vùng Trại Lợn thôn Tân Thanh, đất ở thôn Đồng Sơn	2,00	2,00					Thôn Tân Thanh, Đồng Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
1	Đất ở nông thôn	3,00	2,50				0,50	Thôn Lộc Nội	
2	Đất ở nông thôn	0,80	0,70				0,10	Thôn Đồng Sơn	
3	Đất ở nông thôn	0,30	0,25				0,05	Thôn Tân Thanh	
4	Đất ở nông thôn	0,80	0,70				0,10	Thôn Tân Thanh	
5	Đất ở nông thôn	0,15					0,15	Thôn Quyết Tiến	
6	Đất ở nông thôn	0,30	0,25				0,05	Thôn Đồng Sơn	
7	Đất ở Đồng Trọt - thôn Tùng Sơn, đất ở Nương Dâu - thôn Nam Lĩnh, đất ở Đường Khe Mèn - thôn trung Long	2,00	2,00					Thôn Tùng Sơn, Nam Lĩnh, Trung Long	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất công trình năng lượng	45,45	10,33		16,15	13,51	5,46		
1	Đường điện và trạm biến áp 220KV, 500KV	23,51	1,73		11,12	9,10	1,56	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Đường dây cao thế 110KV, đường điện trung áp, hạ áp, trạm biến áp và công trình phụ trợ	12,50	7,50		1,00	2,00	2,00	Các thôn trên địa bàn xã	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
3	Dự án đường dây 500kV Vũng Áng – Trạm cắt Hòa Bình 2	3,44			2,43	1,01		Các thôn trên địa bàn xã	
4	Đường dây 500kV ĐG Cha Lo – TBA 500Kv Hà Tĩnh của Công ty TNHH Đầu tư CLEI	6,00	1,10		1,60	1,40	1,90	Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất tôn giáo	0,02					0,02		
1	Mở rộng chùa Phúc Điền	0,02.					0,02	Thôn Phúc Điền	
11	Tổng: 11 danh mục	52,82	16,73		16,15	13,51	6,43		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 60. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM XUYỀN**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở	26,05	22,32				3,73		
1	Đất ở thôn 14	1,04	1,04					Thôn 14	
2	Đất ở thôn 10	2,00	2,00					Thôn 10	
3	Khu tái định cư dự án Đường sắt tốc độ cao	1,18	1,18					Thôn Chi Quan	
4	Khu dân cư nông thôn xã Cẩm Quang cũ	9,03	7,95				1,08	Thôn Đông Hoa Vinh	
5	Khu dân cư thôn 6 xã Cẩm Xuyên	12,80	10,15				2,65	Thôn 6	
II	Đất năng lượng	2,08	0,06		2,02		-		
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện	0,06	0,06					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Dự án đường 500 kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình	2,02			2,02			Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
III	Đất thủy lợi	2,00	2,00						
1	Di dời nhà máy nước Cẩm Xuyên phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao	2,00	2,00					Thôn Thanh Sơn	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất giáo dục	1,40	1,40						
1	Mở rộng Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Xuyên	1,40	1,40					Thôn Mỹ Am	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Tổng: 09 danh mục	31,53	25,78		2,02		3,73		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 61. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM LẠC**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giáo dục và đào tạo	0,20	0,20						
1	Mở rộng trường mầm non Cẩm Lạc	0,20	0,20					Thôn Yên Lạc	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại QĐ số 2878 /QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất giao thông	2,89	0,20				2,69		
1	Đường vào khu du lịch sinh thái hồ Sông Rác (từ cổng chào thôn 3 đến hồ Sông Rác)	1,89	0,10				1,79	Thôn 3	
2	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông các thôn	1,00	0,10				0,90	Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất ở	18,02	14,92			1,10	2,00		
1	Đất ở vùng dọc đường trục chính, thôn Yên Lạc	1,50	1,50					Thôn Yên lạc	
2	Tái định cư vùng Trọt Phốc Trong thôn Quang Trung 1 (nằm trên trục đường Hưng Lạc)	1,70	1,70					Thôn Quang Trung 1	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
3	Tái định cư vùng Đồng Ruộng Độc thôn Lạc Thọ phục vụ GPMB Dự án đường sắt tốc độ cao	1,70	1,70					Thôn Lạc Thọ	
4	Tái định cư dự án đường sắt tốc độ cao vùng Đồng Gát thôn Hưng Đạo	0,60	0,60					Thôn Hưng Đạo	
5	Tái định cư đường sắt tốc độ cao vùng Đồng Sài thôn Thượng Sơn	1,90	1,90					Thôn Thượng Sơn	
6	Đất ở vùng Đồng Cửa thôn Phú Đoài	2,20	2,20					Thôn Phú Đoài	
7	Khu dân cư vùng Phúc Huyền (phía tây) thôn 3 xã Cẩm Lạc	1,20	1,20					Thôn 3	
8	Đất ở gần trường Hà Huy Tập (thôn Lĩnh Sơn, xã Cẩm Sơn)	1,50	1,50					Thôn Lĩnh Sơn	
9	Đất ở dân cư vùng Nguồn Trong, thôn Quang Trung 2	0,70	0,70					Thôn Quang Trung 2	
10	Đất ở dân cư vùng Đồng Tợ (phía tây) thôn 9	1,12	1,12					Thôn 9	
11	Đất ở dân cư vùng Giếng Nậy, thôn 8(vị trí 952)	0,50	0,50					Thôn 8	
12	Khu dân cư vùng Động Dù (Phát Lát), thôn Thượng Sơn	1,10				1,10		Thôn Thượng Sơn	
13	Khu dân cư vùng ông Mao thôn Lĩnh Sơn	0,30	0,30					Thôn Lĩnh Sơn	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
14	Đất xem dăm toàn xã	2,00					2,00	Các thôn trên địa bàn xã	
IV	Đất năng lượng	5,41	0,61		0,22	3,06	1,52		
1	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp các huyện Cẩm Xuyên, Hương Khê, Nghi Xuân, Kỳ Anh - Tỉnh Hà Tĩnh theo phương án Đa chia đa nối (MDMC)	0,07	0,05				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,02	0,02					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng, cải tạo lưới điện trung, hạ áp nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã, phường phía Nam tỉnh Hà Tĩnh bổ sung năm 2025	0,02	0,02					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn huyện Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025	0,02	0,02					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
5	Dự án đường 500 kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình	4,28			0,22	3,06	1,00	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật ảnh hưởng bởi Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam	1,00	0,50				0,50	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất nghĩa trang	4,50				4,50			
1	Di dời nghĩa trang Con Rò (ảnh hưởng TĐC cao tốc đường sắt)	4,50				4,50		Thôn Lạc Thợ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
24	Tổng: 24 danh mục	31,02	15,93		0,22	8,66	6,21		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 62. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM DUỆ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở	6,75					6,75		
1	Đất ở vùng sát trường Mầm non thôn Bộc Nguyên (Cẩm Thạch cũ)	3,30					3,30	Thôn Bộc Nguyên	
2	Đất ở gần trường Tiểu học thôn Mỹ Sơn	3,45					3,45	Thôn Mỹ Sơn	
II	Đất năng lượng	8,81	1,58		3,43	2,69	1,11		
1	Xây dựng trạm biến áp 110 KV	0,35	0,35					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Dự án đường 500 kV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình	7,86	0,63		3,43	2,69	1,11	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Di dời đường dây tải điện 110KV	0,60	0,60					Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất nghĩa trang	0,10	0,10						
1	Quy hoạch bổ sung nghĩa trang phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án tái định cư đường sắt	0,10	0,10					Thôn Thống Nhất, xã Cẩm Duệ	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Tổng: 06 danh mục	15,66	1,68	0,00	3,43	2,69	7,86		

**PHỤ LỤC 63. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM HƯNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	6,87	6,31				0,56		
1	Khu Tái định cư Vùng Vận Trái	1,20	1,20					Thôn Sơn Trung	
2	Khu Tái định cư Vùng Cồn ngang	1,83	1,83					Thôn Hưng Tân	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Khu Tái định cư Vùng gần nhà Ông Trung	1,64	1,64					Thôn Tiến Thắng	
4	Khu Tái định cư Vùng Sân bóng	0,08	0,08					thôn Hưng Thắng	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đất ở vùng gần nhà ông Thanh thôn Nam Hoa Xuân	0,38	0,38					Thôn Nam Hoa Xuân	
6	Đất ở vùng Đồng Cựa, thôn Tiến Thắng	0,36	0,36					Thôn Tiến Thắng	
7	Đất ở vùng Đồng Thổ Cư, thôn Hòa Sơn	0,24	0,24					Thôn Hòa Sơn	
8	Đất ở vùng gần sân vận động xã, thôn Lai Lộc	0,56					0,56	Thôn Lai Lộc	
9	Đất ở vùng gần nhà ông Thìn Phương, thôn Nguyễn Đồi	0,54	0,54					Thôn Nguyễn Đồi	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
10	Đất ở vùng gần nhà ông Phú, thôn Tiến Thắng	0,02	0,02					Thôn Tiến Thắng	
11	Đất ở vùng gần Trạm điện, thôn Nguyễn Đồi	0,02	0,02					Thôn Nguyễn Đồi	
II	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,10					0,10		
1	Đài Tưởng Niệm xã	0,10					0,1	Thôn Tân Thuận	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,46	1,46						
1	Mở rộng trường THCS Hà Huy Tập	0,46	0,46					Thôn Thắng Thành	
2	Trường Mầm non Cẩm Thịnh	1,0	1,0					Thôn Tân Thuận	
IV	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,50	0,50						
1	Đất Trạm Y tế xã	0,50	0,5					Thôn Tân Thuận	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
V	Đất công trình năng lượng	2,54	0,01		1,24	0,15	1,14		
1	Dự án đường dây 500KV Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2, đoạn qua địa phận Hà Tĩnh (Mạch 4)	2,52			1,24	0,15	1,13	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Xây dựng cải tạo lưới điện trung, hạ áp, nâng cao chất lượng điện năng khu vực các xã, phường phía Nam tỉnh Hà Tĩnh bổ sung năm 2025	0,02	0,01				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
VI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,00				1,00			
1	Đất nghĩa trang nghĩa địa TĐC phục vụ dự án Đường sắt tốc độ cao	1,00				1,00		thôn Đông Thuận	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
18	Tổng: 18 danh mục	12,48	8,29		1,24	1,15	1,80		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 64. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ YÊN HÒA**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	6,00	6,00						
1	Đất ở dân cư thôn Trung Tiến, Trung Dương	6,00	6,00					Thôn Trung Dương, Trung Tiến	
II	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,00					1,00		
1	Mở rộng trường mầm non Yên Hòa (tại thôn Quý Hòa)	1,00					1,00	Thôn Quý Hòa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
III	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	10,00				5,00	5,00		
1	Mỏ cát xây dựng	10,00				5,00	5,00	Thôn Liên Hương, thôn Nam Thành, thôn Quý Hòa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất công trình giao thông	32,06	12,07			5,30	14,69		
1	Mở rộng đường Dương Thịnh ra biển	10,37	2,20				8,17	Thôn Trung Đông, Rạng Đông	
2	Mở rộng đường 11 kéo dài ra biển (tuyến đường QL 15B ra biển Liên Hương)	5,79	1,37				4,42	Thôn Liên Hương, Thôn Bắc Thành, Thôn Đông Hòa	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
3	Đường LX.03 đoạn từ xã Yên Hòa sang xã Đồng Tiến	4,10				2,00	2,10	Thôn Rạng Đông, Liên Hương, Bắc Thành, Mỹ Hòa, Phú Hòa, Bắc Hòa	
4	Đường Trục xã TX-63 (Đường đồng cự từ Bắc Thành đến Nghĩa trang thiên Cầm)	2,50	2,50					Thôn Bắc Thành, Nam Thành, Trung Dương, Trung Tiến, Trung Đông, Trung Đoài, Hoàng Văn	
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối nút giao đường bộ cao tốc tại Km527+580 (đoạn nối QL.1 thuộc xã Cầm Xuyên đến QL.15B thuộc xã Yên Hòa	9,30	6,00			3,30		Thôn Bình Thọ, Hồ Phương, Yên Mỹ, Đại Hòa, Quý Hòa, Phú Hòa	
V	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	9,00	5,50			3,50			
1	Nhà máy điện gió Eco Wind Kỳ Anh (Trạm biến áp, móng cột và hành lang đường dây 500kv)	9,00	5,50			3,50		Thôn Trung Tiến và thôn Liên Hương	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
VI	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,40	6,40						
1	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,40	6,40					Thôn Hoàng Văn	
10	Tổng: 10 danh mục	64,46	29,97			13,80	20,69		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 65. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ THIÊN CẦM**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giáo dục và đào tạo	0,70					0,70		
1	Mở rộng Trường Mầm non xã Cẩm Nhượng (thôn Liên Thành)	0,70					0,70	Thôn Liên Thành	
II	Đất giao thông	5,95	2,30				3,65		
1	Đường liên xã ĐLX. 02 thị trấn Thiên Cầm đi xã Nam Phúc Thăng cũ (Quốc lộ 8C đến đường 127	2,00	1,00				1,00	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Hạ tầng cụm công nghiệp Cẩm Nhượng (Thửa 31 tờ BĐ số 3 xã Cẩm Nhượng cũ)	0,90					0,90	Thôn Xuân Nam	
3	Đường gom nối từ đường QL15B vào cụm công nghiệp Cẩm Nhượng (Điểm đầu QL 15 B, trường THCS Cẩm Nhượng đến Khu CN Cẩm Nhượng)	0,80					0,80	Thôn Liên Thành	
4	Nâng cấp đường Kỳ La dài 650 m (Điểm đầu từ ngã tư Thiên Cầm đèn xanh đèn đỏ đến Cổng chào xã Cẩm Nhượng cũ)	0,65					0,65	Thôn Trần Phú	
5	Đường Hưng Lộc đi Nam Yên dài 1,4 km (Điểm đầu từ đường ĐH 125 đến hết khu dân cư thôn Nam Yên)	0,70	0,40				0,30	Thôn Hưng Lộc, Nam Yên	
6	Đường GT và Kênh mương khu dân cư Trọt Nước thôn Trần Phú (Số thửa số tờ bản đồ số)	0,90	0,90					Thôn Trần Phú	
III	Đất ở	4,14	4,14						
1	Đất ở đường 124 Tây Nguyên (Số thửa)	0,22	0,22					Thôn Tây Nguyên	
2	Đất ở Ngõ Quỳnh Hưng Lộc	0,06	0,06					Thôn Hưng Lộc	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
3	Đất ở Đồng Đưng thôn Trần Phú	2,38	2,38					Thôn Trần Phú	
4	Đất ở Trọt Nước thôn Trần Phú	1,00	1,00					Thôn Trần Phú	
5	Đất ở khu vực Nhà ông Nhiên Tân Phú	0,10	0,10					Thôn Tân Phú	
6	Đất ở Tùng Giếng thôn Vĩnh Phúc	0,30	0,30					Thôn Vĩnh Phúc	
7	Đất ở khu vực Nhà ông Việp Trần Phú	0,08	0,08					Thôn Trần Phú	
14	Tổng: 14 danh mục	10,79	6,44				4,35		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 66. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ CẨM TRUNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở nông thôn	10,05	9,37				0,68		
1	Đất ở Thôn 2	2,76	2,76					Thôn 2	
2	Đất ở Thôn 6	2,90	2,90					Thôn 6	
3	Đất ở các Thôn 1, 2, 3 , 5, 6	1,38	1,20				0,18	Thôn 1,2,3,5,6	
4	Đất ở lấy từ nhà văn hóa Thôn 3, 10 cũ	0,14					0,14	Thôn 3, 10	
5	Đất ở tại nông Thôn, Thôn Đông Phong	0,64	0,64					Thôn Đông Phong	
6	Đất ở vùng gần nhà ông Lê Văn Duyên	0,11					0,11	Thôn Tân Trung Thủy	
7	Đất ở vùng đồng Quà gần sân bóng Thôn	1,55	1,30				0,25	Thôn Tân Trung Thủy	
8	Đất ở Thôn Tân Trung Thủy (gần đất bà Phương Loan)	0,07	0,07					Thôn Tân Trung Thủy	
9	Đất ở Thôn Trung Thành, Trung Tiến (nhà văn hóa cũ Thôn Trung Tiến)	0,10	0,10					Thôn Trung Thành, Trung Tiến	
10	Đất ở vùng gần nhà ông Liêm Thôn Trung Thành	0,40	0,40					Thôn Trung Thành	
II	Đất năng lượng	0,02	0,02						
1	Xây dựng, cải tạo đường dây trung áp, hạ áp và TBA để chống quá tải, giảm tổn thất điện năng, giảm bán kính cấp điện khu vực huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh năm 2026	0,02	0,02					Các thôn trên địa bàn xã	
III	Đất giáo dục và đào tạo	0,17	0,17						
1	Mở rộng Trường mầm non Cẩm Lộc	0,17	0,17					Thôn Vinh Lộc	
IV	Đất Trụ sở cơ quan	1,00					1,00		
1	Trụ sở làm việc của Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Cẩm Trung	1,00					1,00	Thôn Trung Thành	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
V	Đất giao Thông	39,16	19,08	7,00			13,08		
1	Nâng cấp đường Quốc phòng xã Cẩm Lĩnh	7,73		7,00			0,73	Thôn 1	
2	Đường gom Quốc lộ 15B	0,06					0,06	Thôn 1	
3	Đường nối từ ĐH.129 đến đường ĐH.135 (Thôn 6)	0,90	0,20				0,70	Thôn 3,4,6	
4	Đường Khe Mồi, Giếng Chại đến Hải Đăng, Thôn 1	1,50					1,50	Thôn 1	
5	Đất giao Thông (Hành lang cầu), Thôn 3	0,03					0,03	Thôn 3	
6	Mở rộng đường Lạc An đi xứ Bực Thôn 6	2,90	2,50				0,40	Thôn 6	
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường giao Thông các Thôn	5,20	1,00				4,20	Thôn 1,2,3,4,5,6	
8	Xây dựng Cầu kiến thiết xã Cẩm Lộc	0,13					0,13	Thôn Nam Phong	
9	Đường trục khu thương mại dịch vụ xã	0,64	0,64					Thôn Đông Phong, Minh Lộc	
10	Đường giao Thông Thôn Vĩnh Lộc - Vùng Đập Làng	0,41	0,41					Thôn Vĩnh Lộc	
11	Đường giao Thông Thôn Đông Phong từ Cự ông lực Lăn đi Mù Mù - Mù Mít	0,68	0,68					Thôn Đông Phong, Nam Phong	
12	Đường giao Thông Thôn Minh Lộc từ Cự ông Mông đi Đền Thánh xã Cẩm Hà	0,06	0,06					Thôn Minh Lộc	
13	Đường giao Thông Thôn Tân Trung Thủy từ Cự ông Khả đi Đê ngăn mặn	0,45	0,45					Thôn Tân Trung Thủy	
14	Đường nội đồng vùng Cồn Sim, Thôn Minh Lộc 650m	0,33	0,33					Thôn Minh Lộc	
15	Đường nội đồng khu đầu cầu, Thôn Minh Lộc	0,48	0,48					Thôn Minh Lộc	
16	Đường kèp mương trạm bơm đồng Cột Nanh, Thôn Đông Phong	0,75	0,75					Thôn Đông Phong	
17	Đường giao Thông nội Thôn từ cửa ông Phú đến đất ông Lương vện, Thôn Minh Lộc	1,50	1,50					Thôn Vĩnh Lộc	
18	Đường giao Thông từ nhà Bà Chi đến nhà ông Văn Thôn Nam Thành	0,11	0,11					Thôn Nam Thành	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
19	Đường giao Thông nội đồng Bến Ngà đi trạm bơm 1	0,12	0,12					Thôn Trung Thành, Quyết Tâm	
20	Đường giao Thông từ Cống Trọt Giếng đến nhà ông Dục Thôn Trung Thành	0,60	0,60					Thôn Trung Thành, Quyết Tâm	
21	Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường giao Thông các Thôn	4,50	2,20				2,30	Các thôn trên địa bàn xã Cẩm Trung cũ	
22	Đường Trục xã TX44B	4,95	3,47				1,49	Các thôn trên địa bàn xã	
23	Đường Trục Thôn Tân Trung Thủy - Thôn 5	0,21	0,15				0,06	Thôn 5, Tân Trung Thủy	
24	Đường ĐH.83 (ĐH.129) từ Quốc lộ 1A - địa xã Cẩm Lạc	4,93	3,45				1,48	Thôn Nam Thành	
VI	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	19,59	0,58			19,01			
1	Khai thác và chế biến đá xây dựng tại khu vực núi Rác	0,99	0,58			0,41		Nam Thành	
2	Khai thác đất Khe dài Đồng Mọ	18,60				18,60		Nam Thành	
39	Tổng: 39 danh mục	69,99	29,22	7,00		19,01	14,76		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 67. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ LỘC HÀ**

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất cơ sở văn hóa	4,50	2,90		1,00		0,60		
1	Khu công viên trung tâm Thị trấn (trung tâm Văn Hóa, TDP Phú Nghĩa)	4,50	2,90		1,00		0,60	Thôn Phú Nghĩa	
II	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	1,10					1,10		
1	Trường Mầm non thị trấn Lộc Hà, diện tích 1,1ha (được chuyển từ trường THCS cũ sang, trụ sở CA cũ)	1,10					1,10	Thôn Phú Nghĩa	
III	Đất giao thông	24,85	8,10				16,75		
1	Hệ thống giao thông nông thôn toàn xã	1,50	1,00				0,50	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Hệ thống giao thông nội đồng toàn xã	1,00	0,70				0,30	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Quy hoạch mới và mở rộng giao thông nội đồng toàn xã	3,50	2,00				1,50	Các thôn trên địa bàn xã	
4	Đường giao thông mới và mở rộng trong khu dân cư toàn xã	2,50	2,00				0,50	Các thôn trên địa bàn xã	
5	Xây dựng hạ tầng (hệ thống đường giao thông) trong khu đất quy hoạch mới	5,75	1,60				4,15	Các thôn trên địa bàn xã	
6	Đường giao thông trong khu dân cư	5,00					5,00	Các thôn trên địa bàn xã	
7	Đường giao thông liên xã thị trấn Lộc Hà - xã Thạch Kim	5,60	0,80				4,80	Thôn Long Hải, Xuân Hải	
IV	Đất thủy lợi	23,46	12,12				11,34		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
1	Kênh mương nội đồng toàn xã	1,50	1,00				0,50	Các thôn trên địa bàn xã	
2	Hệ thống thủy lợi (thoát nước và tưới tiêu toàn xã)	1,00	0,80				0,20	Các thôn trên địa bàn xã	
3	Hệ thống tiêu thoát nước trong khu Quy hoạch dân cư mới	20,96	10,32				10,64	Các thôn trên địa bàn xã	
V	Đất ở tại nông thôn	16,62					16,62		
1	Đất ở vùng Vùng Địa Sâu thôn 6	1,60					1,60	Thôn 6	
2	Đất ở vùng Bập Bộng thôn 2	4,70					4,70	Thôn 2	
3	Khu dân cư và TMDV tại xã Thạch Kim, thôn Xuân Phượng. Tổng diện tích QH: 14,9 ha, trong đó đất ở 7,48ha	7,48					7,48	Thôn Xuân Phượng	
4	Đất ở vùng phía Tây trung tâm điều dưỡng	1,84					1,84	Thôn Xuân Hải	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
5	Đất ở xen dăm trong khu dân cư	1,00					1,00	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
VI	Đất tôn giáo	2,55			2,10		0,45		
1	Mở rộng, tôn tạo chùa Hàn Nguyên thôn Chân Thành	1,05			0,90		0,15	Thôn Chân Thành	
2	Chùa Kim Dung, Tổ dân phố Phú Nghĩa	1,50			1,20		0,30	Thôn Phú Nghĩa	
19	Tổng: 19 danh mục	73,08	23,12		3,10		46,86		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 68. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ MAI PHỤ

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất giao thông	13,00	12,30				0,70		
1	Đường từ cửa anh Cảnh đi hội quán Tây Giang	1,00	1,00					Các thôn: Phú Mỹ, Hữu Minh và Tây Giang	
2	Đường giao thông từ Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi đến nhà ông Ca thôn Bắc Sơn (thôn Thanh Mỹ)	1,00	0,30				0,70	Các thôn: Thanh Mỹ, Bắc Sơn	
3	Đường trục xã (từ đường Hồng Thụ đến Quốc lộ 281), thôn Mỹ Hòa, Thanh Hòa	10,50	10,50					Thôn Thanh Hòa, Mỹ Hòa	
4	Nâng cấp đường từ Đình Tân Phú đến đường Quốc lộ 281	0,50	0,50					Thôn Tân Phú	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Đất thủy lợi	0,30			0,30				
1	Cống cấp nước NTTS	0,30			0,30			Thôn Mai Lâm, Đông Vĩnh	
III	Đất xây dựng công trình năng lượng	0,16	0,12				0,04		
1	Xây dựng ĐZ, TBA khắc phục tình trạng điện áp thấp tại các xã Hồng Lộc, xã Thị trấn, xã Mai Phụ, Xã Hộ Độ thuộc huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh năm 2021	0,07	0,06				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
2	Xây dựng 2 xuất tuyến 22kV lộ 471,473 sau trạm biến áp 110kV Lộc	0,03	0,02				0,01	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Xây dựng 2 xuất tuyến 22kV lộ 475,477 sau trạm biến áp 110kV Lộc	0,06	0,04				0,02	Các thôn trên địa bàn xã	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
IV	Đất công trình cấp nước, thoát nước	0,21					0,21		
1	Trạm xử lý nước sạch thôn Sơn Phú	0,21					0,21	Thôn Sơn Phú	
V	Đất ở nông thôn	15,80	6,80				9,00		
1	Đất ở thôn Đồng Sơn (điều chỉnh NNK sang)	2,00					2,00	Thôn Đồng Sơn	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Đất ở đối diện chùa Triều Sơn	4,00					4,00	Thôn Đồng Sơn	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Đất ở thôn An Lộc (giáp cây xăng)	2,00					2,00	Thôn An Lộc	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Đất ở (bên sân bóng trường Nguyễn Văn Trỗi)	2,00	2,00					Thôn Thanh Mỹ	Đã được phân bổ chi tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
5	Đất ở Phía đông trường Nguyễn Văn Trỗi	1,00	1,00					Thôn Bắc Sơn	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	Đất ở thôn Đông Châu (Đường 45 Giáp đất Thạch Mỹ)	1,00	1,00					Thôn Đông Châu	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
7	Đất ở vùng Đồng Cừa	1,00	1,00					Thôn Thanh Hòa	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
8	Đất ở Cửa anh Thiệp (Đường hộ đê)	1,00					1,00	Thôn Tân Phú	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
9	Đất ở vùng Lộ Dòi (Làng Điếm)	0,50	0,50					Thôn Thanh Lương	Đã được phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Đất ở Vùng Chênh giáo (bổ sung)	1,30	1,30					Thôn Hà Ân	
VI	Đất tín ngưỡng	2,60	1,60				1,00		
1	Mở rộng khu di tích Đền thờ Vua Mai (xếp hạng cấp tỉnh) thôn Đông Thắng, Mai Lâm	2,60	1,60				1,00	Thôn Đồng Sơn	
VII	Đất tôn giáo	0,30	0,30						
1	Mở rộng chùa Trúc Lâm, thôn Thanh Lương	0,30	0,30					Thôn Thanh Lương	
21	Tổng: 21 danh mục	32,37	21,12		0,30		10,95		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 69. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TỪ NĂM 2026
XÃ HỒNG LỘC

(Kèm theo Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất					Địa điểm	Ghi chú
			LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
I	Đất ở tại nông thôn	13,79	12,49				1,30		
1	Đất ở dân cư tại các thôn Kim Tân, Đại Lự, Yên Giang	3,02	3,02					Thôn Kim Tân, Đại Lự, Yên Giang	
2	Đất ở vùng Nam Cự Bin (2 bên đường Hồng Hậu)	3,00	3,00					Thôn Trung Sơn	
3	Đất ở vùng Cống Ấp thôn Yên Giang	0,60	0,60					Thôn Yên Giang	
4	Đất ở vùng Cầu Lồi thôn Đại Lự (NVH Đại Lự đến Xóm 11 cũ) Mục Bãi	1,60	1,60					Thôn Đại Lự	
5	Đất ở vùng Cầu Ao thôn Đại Lự	0,70	0,70					Thôn Đại Lự	
6	Đất ở vùng trước nhà anh Kiệm, đến đường hộ đê, thôn Tân Trung	0,40	0,40					Thôn Tân Trung	
7	Đất ở vùng Con Pheo, Con Chạ, thôn Kim Tân	0,75	0,70				0,05	Thôn Kim Tân	
8	Đất ở vùng Nhà Cọi, thôn Kim Tân	1,10	0,40				0,70	Thôn Kim Tân	
9	Đất ở vùng Lối Cộm, thôn Kim Tân	0,55	0,50				0,05	Thôn Kim Tân	
10	Đất ở vùng Lọng Mọt, thôn Tân Thượng	1,50	1,50					Thôn Tân Thượng	
11	Đất ở Bắc hồ Cửa Đình, thôn Kim Tân	0,07	0,07					Thôn Kim Tân	
12	Đất ở gần NVH Thôn Tân Trung	0,50					0,50	Thôn Tân Trung	
II	Đất công trình năng lượng	0,30	0,20				0,10		
1	Dự án đầu nối đường điện 110 KW vào nhà máy xử lý rác thải	0,30	0,20				0,10	Dạng tuyến tại các thôn xã Hồng Lộc	
III	Đất tôn giáo	0,50					0,50		
1	Mở rộng Chùa Hàn thôn Trường An	0,50					0,50	Thôn Trường An	
14	Tổng: 14 danh mục	14,59	12,69				1,90		